

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 1: TỰ HÀO VỀ TRUYỀN THỐNG DÂN TỘC VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

- Nêu được một số truyền thống của dân tộc Việt Nam.
- Nhận biết được giá trị các truyền thống của dân tộc Việt Nam.
- Kể được một số biểu hiện của lòng tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam.
- Đánh giá được hành vi, việc làm của bản thân và những người xung quanh trong việc thể hiện lòng tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam.
- Thực hiện được những làm cụ thể để giữ gìn, phát huy truyền thống dân tộc.

2. Năng lực

Năng lực chung:

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
- *Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

Năng lực riêng:

- *Năng lực điều chỉnh hành vi:* thực hiện và đánh giá được những hành vi, việc làm của bản thân và những người xung quanh trong việc thể hiện lòng tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam.
- *Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội:* Nhận biết được một số truyền thống của dân tộc Việt Nam, các giá trị của truyền thống dân tộc và kể tên được những biểu hiện của lòng tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam.

3. Phẩm chất

- Có phẩm chất yêu nước, trách nhiệm, thể hiện qua niềm tự hào về truyền thống và những giá trị quý báu của truyền thống dân tộc Việt Nam, sống có trách nhiệm, phê phán những việc làm trái ngược với truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SHS, SGV, SBT Giáo dục công dân 8.
- Tranh, ảnh, truyện, thơ ca, thành ngữ, tục ngữ, bài hát, những ví dụ thực tế gắn với chủ đề bài học.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Đối với học sinh

- SHS Giáo dục công dân 8.
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm có liên quan đến nội dung bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

1. **Mục tiêu:** Khơi gợi hứng thú của HS đối với bài học và giúp HS có hiểu biết ban đầu về nội dung bài học.

2. **Nội dung:**

- GV giới thiệu bài học, đưa ra định nghĩa về truyền thống dân tộc.
- GV cho HS đọc lời bài hát “*Đất nước trọn niềm vui*” của nhạc sĩ Hoàng Hà và yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- GV dẫn dắt HS vào bài học.

3. **Sản phẩm:**

- HS lắng nghe và hiểu định nghĩa về truyền thống dân tộc.
- Câu trả lời của HS về truyền thống dân tộc Việt Nam qua bài hát “*Đất nước trọn niềm vui*” và chuẩn kiến thức của GV.

4. **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV giới thiệu bài học, đưa ra định nghĩa về truyền thống dân tộc: *Truyền thống dân tộc là những giá trị tốt đẹp được hình thành trong quá trình lịch sử lâu dài của dân tộc và được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Việc tự hào, giữ gìn và phát huy những truyền thống đó là nền tảng và động lực phát triển cho mỗi người.*

- GV cho HS nghe bài hát “*Đất nước trọn niềm vui*” (nhạc sĩ Hoàng Hà), kết hợp đọc lời bài hát (SHS tr.5) và yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Em hãy cho biết lời bài hát thể hiện truyền thống nào của dân tộc Việt Nam?*

<https://www.youtube.com/watch?v=6KXKVhqQ2l4>.

“...Hội toàn thắng náo nức đất nước

Ta muốn bay lên, say ngất sông núi hiên ngang

Ta muốn reo vang, hát ca muôn đời Việt Nam

Tổ quốc anh hùng!

Ôi quê hương dấu bao lần giặc phá điêu tàn mà vẫn ngoan cường

Dành một ngày toàn thắng

Đẹp quá...”

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS lắng nghe GV nêu định nghĩa về truyền thống dân tộc.
- HS lắng nghe bài hát “*Đất nước trọn niềm vui*” và trả lời câu hỏi.
- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời: *Bài hát thể hiện truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam.*
- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và mời 1 – 2 HS chia sẻ thêm hiểu biết của mình về truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của dân tộc qua những bài hát, tấm gương anh hùng chống giặc ngoại xâm.
- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Bài 1 – Tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam.*

1. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Tìm hiểu về một số truyền thống dân tộc và giá trị của truyền thống dân tộc Việt Nam.

I. MỤC TIÊU: Thông qua hoạt động, HS nêu được một số truyền thống của dân tộc và hiểu biết được giá trị các truyền thống của dân tộc Việt Nam.

1. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm, đọc các thông tin SHS tr.5, 6 và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn HS kể về những truyền thống khác của dân tộc Việt Nam và nêu giá trị của những truyền thống đó.
- GV cùng HS rút ra kết luận về truyền thống dân tộc.

3. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về truyền thống dân tộc Việt Nam, giá trị của truyền thống dân tộc Việt Nam và chuẩn kiến thức của GV.

3. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 3 HS đọc lần lượt thông tin 1, 2, 3 SHS tr.5, 6. - GV chia HS cả lớp thành 6 nhóm và yêu cầu các nhóm thực hiện nhiệm vụ: • Nhóm 1, 2: <i>Đọc thông tin 1.</i> • Nhóm 3, 4: <i>Đọc thông tin 2.</i> • Nhóm 5, 6: <i>Đọc thông tin 3.</i> <p>+ <i>Các thông tin trên nói về những truyền thống nào của dân tộc Việt Nam? Chia sẻ hiểu biết của em về các truyền thống đó.</i></p> <p>+ <i>Qua các thông tin trên, giá trị của truyền thống dân tộc Việt Nam được thể hiện như thế nào?</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu các nhóm trả lời câu hỏi: <i>Em hãy kể về những truyền thống khác của dân tộc Việt Nam và nêu giá trị của những truyền thống đó.</i> <p>+ GV tổng hợp các ý kiến trên bảng lớp.</p>	<p>1. Tìm hiểu về một số truyền thống dân tộc và giá trị của truyền thống dân tộc Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Một số truyền thống của dân tộc: yêu nước, hiếu học, đoàn kết, nhân nghĩa, cần lao, lao động, tôn sư trọng đạo, uống nước nhớ nguồn,....</i> - <i>Giá trị của các truyền thống:</i> <ul style="list-style-type: none"> + Góp phần tích cực vào quá trình phát triển của mỗi cá nhân. + Là nền tảng cho lòng tự hào, tự tôn, cho sự phát triển lành mạnh, hạnh phúc của mỗi người. + Là nền tảng để xây dựng đất nước phát triển vững mạnh. + Là sức mạnh và bản sắc riêng của Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin SHS, thảo luận và trả lời câu hỏi.
- HS dựa vào hiểu biết của bản thân, thông tin tìm hiểu trên sách, báo, internet,...kể thêm những truyền thống dân tộc và trị của những truyền thống đó.
- HS rút ra kết luận về truyền thống dân tộc theo hướng dẫn của GV.
- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện các nhóm lần lượt trả lời câu hỏi về 3 thông tin:

+ *Thông tin 1: Truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam. Giá trị của truyền thống:*

- *Yêu nước là truyền thống quý báu của dân tộc ta. Truyền thống yêu nước đã tiếp thêm sức mạnh, hun đúc lòng can đảm, sự kiên cường, chịu khó của cả dân tộc, đoàn kết chống giặc ngoại xâm.*

- *Nhờ đó mà chúng ta có được độc lập, tự do, được sống trong đất nước hoà bình và phát triển như ngày nay.*

+ *Thông tin 2: Truyền thống hiếu học. Giá trị của truyền thống:*

- *Bùi Xương Trạch đã kế thừa và phát huy truyền thống hiếu học của dân tộc Việt Nam.*

- *Truyền thống ấy đã mang lại cho cá nhân ông sự đỗ đạt, khoa bảng và làm quan, làm rạng danh cho dòng họ. Dân tộc ta có một vị quan vừa tài giỏi vừa tiết kiệm, liêm khiết.*

+ *Thông tin 3: Truyền thống nhân ái, yêu thương con người, “lá lành đùm lá rách”. Giá trị của*

truyền thống:

- *Người Việt Nam luôn sẵn sàng giúp đỡ, chia sẻ, đùm bọc đồng bào mình trong lúc khó khăn, hoạn nạn.*
- *Mỗi dịp Tết đến, Xuân về, bà con lại cùng chung tay, hỗ trợ nhau để mọi người cùng có một cái Tết đầm ấm.*
- *Những người thương binh, gia đình liệt sĩ, bà mẹ Việt Nam anh hùng cũng luôn được Nhà nước và nhân dân cùng chăm lo, thể hiện truyền thống “uống nước nhớ nguồn; “đền ơn đáp nghĩa” của dân tộc ta.*

- GV mời đại diện 2 – 3 HS kể về những truyền thống khác của dân tộc Việt Nam và nêu giá trị của những truyền thống đó: *truyền thống cần cù lao động, đoàn kết, bao dung, hiếu thảo,...*

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án.
- GV hướng dẫn HS rút ra kết luận về truyền thống dân tộc.
- GV chuyển sang nội dung mới.

Hoạt động 2. Tìm hiểu biểu hiện của lòng tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam

I. MỤC TIÊU: Thông qua hoạt động, HS kể được một số biểu hiện của lòng tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam và đánh giá được hành vi, việc làm của bản thân, những người xung quanh trong việc thể hiện lòng tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam.

1. Nội dung:

3. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về và chuẩn kiến thức của GV.

3. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
-----------------------	------------------

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chia HS cả lớp thành 4 nhóm (2 nhóm cùng thực hiện một nhiệm vụ).

- GV nêu nhiệm vụ cho các nhóm:

- Nhóm 1, 2: *Đọc thông tin 1 SHS tr.7.*
- Nhóm 3, 4: *Đọc thông tin 2 SHS tr.8.*

Em hãy nêu biểu hiện của lòng tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam qua những thông tin trên.

- GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi: *Em hãy nêu những việc HS cần làm để thể hiện lòng tự hào về truyền thống của dân tộc Việt Nam.*

- GV yêu cầu 4 nhóm liệt kê những hành động cụ thể, thiết thực mà mỗi HS có thể làm được để thể hiện lòng tự hào về truyền thống dân tộc: *Em hãy chỉ ra những hành vi, việc làm tốt và chưa tốt của bản thân và những người xung quanh trong việc thể hiện lòng tự hào dân tộc về truyền thống dân tộc Việt Nam.*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS thảo luận theo nhóm, đọc thông tin 1, 2 và trả lời câu hỏi.

- HS làm việc nhóm đôi, nêu những việc làm thể hiện/ không thể hiện lòng tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam.

- HS liên hệ bản thân, thực tế, nêu những hành vi, việc làm tốt/ chưa trong việc thể hiện lòng tự hào dân tộc về truyền thống dân tộc Việt Nam.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận về thông tin 1, 2 SHS tr.7, 8:

+ *Thông tin 1: Lòng tự hào về truyền thống yêu*

2. Tìm hiểu biểu hiện của lòng tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam

- *Tự hào về truyền thống dân tộc là có những việc làm phù hợp:*

+ Tôn vinh các giá trị truyền thống dân tộc.

+ Chia sẻ, lan toả những giá trị tốt đẹp của truyền thống dân tộc Việt Nam với bạn bè quốc tế.

+ Kính trọng và biết ơn những người có công; tham gia các hoạt động đền ơn, đáp nghĩa; tham gia các hoạt động văn hoá, tôn vinh lịch sử, văn hoá dân tộc,...

+ Phê phán và phản đối những việc làm trái ngược, không phù hợp truyền thống dân tộc.

nước, chống giặc ngoại xâm của dân tộc được thể hiện ở sự quan tâm và tôn vinh những Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

- HS, sinh viên có những hoạt động thiết thực, phù hợp với khả năng và lứa tuổi của mình như: tặng quà, thăm hỏi sức khỏe, cuộc sống, trò chuyện và lắng nghe các Mẹ.

- Đảng và Nhà nước cũng có các chính sách hỗ trợ, sự ghi nhận qua danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam Anh hùng”, phong tặng, truy tặng cho hàng trăm ngàn Mẹ, phụng dưỡng hàng ngàn Mẹ.

+ Thông tin 2: Lòng tự hào về truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo của dân tộc thể hiện ở sự tôn vinh các trí thức lớn, những bậc hiền tài, lưu danh qua các tấm bia tiến sĩ ở Văn Miếu - Quốc Tử Giám.

- GV mời đại diện 1 – 2 cặp đôi trình bày những việc làm thể hiện/ không thể hiện lòng tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam (đính kèm phía bảng phía dưới hoạt động).

- GV mời đại diện 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp những hành vi, việc làm tốt/ của bản, mọi người xung quanh em chưa trong việc thể hiện lòng tự hào dân tộc về truyền thống dân tộc Việt Nam.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án.

- GV kết luận về biểu hiện của lòng tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam.

Những việc nên làm để thể hiện lòng tự hào về truyền thống dân tộc	Những việc làm không thể thể hiện lòng tự hào về truyền thống dân tộc
- Tìm hiểu về các truyền thống và giá trị truyền thống dân tộc qua những câu chuyện lịch sử, tác	

phẩm văn học, hội hoa, qua việc trò chuyện, lắng nghe ông bà, cha mẹ, các nghệ nhân, người làm nghề truyền thống, các cựu chiến binh,...

- Tham quan các bảo tàng nghệ thuật, lịch sử, các triển lãm văn hoá về truyền thống

dân tộc.

- Tham gia và hỗ trợ hoạt động quảng bá văn hoá, truyền thống dân tộc Việt Nam với bạn bè quốc tế.

- Phê phán những việc làm trái ngược với truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

- Tiếp nối những truyền thống tốt đẹp của dân tộc bằng những việc làm cụ thể, thiết thực, phù hợp với độ tuổi như chăm chỉ học tập, tham gia các câu lạc bộ tìm hiểu về lịch sử, văn hoá truyền thống dân tộc.

- Kính trọng người lớn tuổi, trân trọng những người lính, cựu chiến binh, thanh niên xung phong, Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

- Tham gia, tìm hiểu và trân trọng các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, các ngày lễ kỉ niệm truyền thống của đất nước như ngày Thương binh liệt sĩ, ngày Nhà giáo Việt Nam, ngày Gia đình Việt Nam.

-.....

Ngày soạn:....../....../...

Ngày dạy:....../....../...

BÀI 2: TÔN TRỌNG SỰ ĐA DẠNG CỦA CÁC DÂN TỘC

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

- Nêu được một số biểu hiện của sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới.
- Hiểu được ý nghĩa của việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới.
- Thể hiện được bằng lời nói và việc làm thái độ tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới.
- Phê phán những hành vi kì thị, phân biệt chủng tộc và văn hóa.

2. Năng lực

Năng lực chung:

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
- *Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

Năng lực riêng:

- *Năng lực điều chỉnh hành vi:* thể hiện bằng lời nói và việc làm thái độ tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới, đồng thời phê phán những hành vi kì thị, phân biệt chủng tộc và văn hóa.
- *Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội:* Biết cách thu thập, xử lý thông tin, tìm hiểu về sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới, đồng thời vận dụng được các kiến thức đã học để đánh giá, xử lý tình huống trong thực tiễn có liên quan đến việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc.

3. Phẩm chất

- Có tấm lòng nhân ái, khoan dung văn hóa, tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SHS, SGK, SBT Giáo dục công dân 8.
- Tranh ảnh, truyện, thơ ca, trò chơi, bài hát, những ví dụ thực tế gắn với chủ đề bài học.

- Máy tính, máy chiếu, bài giảng powerpoint,... (nếu có).

2. Đối với học sinh

- SHS Giáo dục công dân 8.
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm có liên quan đến nội dung bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

1. **Mục tiêu:** Khơi gợi hứng thú của HS đối với bài học và giúp HS có hiểu biết ban đầu về nội dung bài học.

2. **Nội dung:**

- GV tổ chức cho HS chia sẻ về một số phong tục, tập quán của các dân tộc trên thế giới.
- GV dẫn dắt HS vào bài học.

3. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về một số phong tục, tập quán đặc sắc của các dân tộc trên thế giới và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV tổ chức cho HS chia sẻ về một số phong tục, tập quán của các dân tộc trên thế giới và trả lời câu hỏi:

- *Nét đặc sắc của phong tục, tập quán đó là gì?*
- *Phong tục, tập quán đó có ý nghĩa gì?*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan sát hình ảnh, vận dụng hiểu biết thực tế, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.
- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời câu hỏi.
- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và lấy ví dụ về một phong tục, tập quán trên thế giới:

+ Ở Mê-xi-cô: tuyệt đối không được tặng hoa hồng vàng, vì màu vàng ở nước này tượng trưng cho sự chết chóc.

+ Ở một số Quốc gia Trung Đông: việc chào ai đó hay ăn bằng tay trái có thể bị coi là thô lỗ và mất vệ sinh. Vì tay trái được sử dụng để vệ sinh cá nhân nên tuyệt đối không được dùng tay trái trên bàn ăn hoặc để chào hỏi bạn bè.

- GV dẫn dắt HS vào bài học:

Trong suốt chiều dài lịch sử, mỗi dân tộc đều có những đặc điểm riêng về kinh tế, xã hội và văn hóa, kết tinh từ tài năng, sáng tạo của con người, góp phần tạo nên bức tranh sinh động, phong phú và đa dạng của thế giới. Ngày nay, toàn cầu hóa đang xóa đi sự ngăn cách về không gian địa lí, tạo điều kiện cho việc giao lưu, học hỏi giữa các dân tộc, các nền văn hóa, đồng thời cũng tạo ra nguy cơ làm mất đi tính đa dạng bản sắc văn hóa dân tộc. Bởi vậy, chúng ta cần tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc, chống hành vi kì thị, phân biệt chủng tộc và văn hóa, góp phần xây dựng một thế giới đa sắc màu, hòa bình và phát triển.

Để tìm hiểu rõ hơn về đề này, chúng ta sẽ cùng nhau đi tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay
– **Bài 2: Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc.**

1. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Tìm hiểu biểu hiện của sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới.

I. MỤC TIÊU: Thông qua hoạt động, HS nêu được một số biểu hiện của sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới.

1. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm, đọc các thông tin trong SHS tr.10, 11 và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn HS kể về những biểu hiện khác của sự đa dạng dân tộc và các nền văn hóa khác trên thế giới.

- GV cùng HS rút ra kết luận về biểu hiện của sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới.

2. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về những biểu hiện của sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới và chuẩn kiến thức của GV.

3. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập	1. Tìm hiểu biểu hiện của sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa

<p>- GV mời 3 HS đọc lần lượt thông tin 1, 2, 3 SHS tr.10, 11.</p> <p>- GV hướng dẫn HS cả lớp thành 6 nhóm và yêu cầu các nhóm thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Nhóm 1, 2: <i>Đọc thông tin 1 và trả lời câu hỏi: Nêu những biểu hiện của sự đa dạng dân tộc và các nền văn hóa của Nhật Bản?</i></p> <p>+ Nhóm 3, 4: <i>Đọc thông tin 2 và trả lời câu hỏi: Nêu những biểu hiện của sự đa dạng dân tộc và các nền văn hóa của Nga?</i></p> <p>+ Nhóm 5, 6: <i>Đọc thông tin 3 và trả lời câu hỏi: Nêu những biểu hiện của sự đa dạng dân tộc và các nền văn hóa của Ni-giê-ri-a?</i></p> <p>- GV trình chiếu cho HS quan sát thêm một số hình ảnh liên quan đến phong tục, tập quán của nước...</p> <p>+ Phong tục, tập quán của Nhật Bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> ● <i>Trang phục Ki-mô-nô:</i> ● <i>Lễ hội hoa anh đào:</i> <p>+ Phong tục tập quán của Nga:</p> <ul style="list-style-type: none"> ● <i>Lễ hội tiễn mùa đông:</i> <p>+ Phong tục tập quán của Ni-giê-ri-a:</p> <ul style="list-style-type: none"> ● <i>Lễ hội khoai lang:</i> <p>- GV mở rộng kiến thức, yêu cầu các nhóm trả lời câu hỏi: <i>Hãy nêu thêm những nét đặc sắc khác của các dân tộc trên?</i></p> <p>- GV yêu cầu HS liên hệ thực tế, liên hệ hiểu biết của bản thân và trả lời câu hỏi: <i>Hãy nêu thêm một số biểu hiện của sự đa dạng dân tộc và các nền văn hóa khác trên thế giới mà em biết?</i></p> <p>- GV tổng hợp các ý kiến trên bảng lớp.</p> <p>- GV hướng dẫn HS rút ra kết luận và nêu biểu hiện của</p>	<p>trên thế giới.</p> <p>- Mỗi dân tộc đều có những nét riêng về tính cách, truyền thống, phong tục tập quán, ngôn ngữ,....</p> <p>- Những phong tục tập quán đó là những vốn quý của nhân loại cần được tôn trọng, kế thừa và phát huy.</p>
--	---

sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin SHS, thảo luận và trả lời câu hỏi.
- HS liên hệ thực tế, kể thêm biểu hiện của sự đa dạng dân tộc và các nền văn hóa khác trên thế giới.
- HS rút ra kết luận về biểu hiện của sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới theo hướng dẫn của GV.
- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận (*đính kèm bảng kết quả phía dưới hoạt động 1*).
- GV mời đại diện 2 – 3 HS kể thêm những nét đặc sắc khác của các dân tộc khác trên thế giới:
 - + *Tây Ban Nha: Chào nhau bằng cách hôn hai lần lên má, lễ hội đấu bò tót,...*
 - + *Nước Anh: văn hóa xếp hàng ở nơi công cộng, văn hóa làm việc đúng giờ,...*
- GV mời đại diện 1 – 2 HS rút ra kết luận biểu hiện của sự đa dạng dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới.
- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và kết luận.
- GV chuyển sang nội dung mới.

MỘT SỐ BIỂU HIỆN CỦA SỰ ĐA DẠNG DÂN TỘC VÀ

CÁC NỀN VĂN HÓA Ở MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

Dân tộc	Nhật Bản	Nga	Ni-giê-ri-a
Nét văn hóa			
Ẩm thực	Món ăn truyền thống là su-si - món cơm trộn giấm dùng chung với hải sản hoặc rau củ.	Món ăn truyền thống là cháo ka-sa và bánh mì đen.	Món ăn truyền thống là cơm giô-lốp nấu từ gạo, cà chua, hành và ớt.
Trang phục	Trang phục truyền thống là ki-mô-nô, được mặc trong các dịp lễ hội và những ngày đặc biệt.	Trang phục truyền thống đa dạng nhưng đều có một điểm chung là màu sắc rực rỡ, lộng lẫy.	Nhiều trang phục truyền thống với điểm chung là màu sắc sặc sỡ, mặc kèm nhiều phụ kiện và trang sức.
Lễ hội đặc sắc	Lễ hội hoa anh đào.	Lễ hội tiễn mùa đông.	Lễ hội khoai lang.
Về màu da	Da vàng	Da trắng	Đa số da đen
Về tính cách con người	Nổi tiếng với tính kỉ luật, chăm chỉ lao động, trung thành và thượng võ.	Vui tính, hài hước, thân thiện và hiếu khách.	Có tính cạnh tranh mạnh mẽ, kì vọng lớn lao và ý chí vươn lên mạnh mẽ.

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 3: LAO ĐỘNG CẦN CÙ, SÁNG TẠO**I. MỤC TIÊU****1. Kiến thức**

Sau bài học này, HS sẽ:

- Nêu được khái niệm cần cù, sáng tạo trong lao động và một số biểu hiện của cần cù, sáng tạo trong lao động.
- Giải thích được ý nghĩa của cần cù, sáng tạo trong lao động.
- Thể hiện được sự cần cù, sáng tạo trong lao động của bản thân.
- Trân trọng những thành quả lao động; quý trọng và học hỏi những tấm gương cần cù, sáng tạo trong lao động; phê phán những biểu hiện chây lười, thụ động trong lao động.

2. Năng lực

Năng lực chung:

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
- *Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

Năng lực riêng:

- *Năng lực điều chỉnh hành vi:* tự nhận thức được sở thích, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân trong việc thực hiện cần cù, sáng tạo trong lao động hằng ngày.
- *Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội:* nhận biết được một số hiện tượng, vấn đề của đời sống xã hội liên quan đến cần cù, sáng tạo trong lao động; thu thập, xử lý thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, tình huống phản ánh sự cần cù, sáng tạo trong lao động; lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết vấn đề liên quan đến thực hiện cần cù, sáng tạo trong lao động ở đời sống thực tế.

3. Phẩm chất

- Tích cực, tự giác tham gia các hoạt động lao động phù hợp với lứa tuổi.
- Có trách nhiệm, trung thực và không ngừng sáng tạo trong lao động.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SHS, SGV, SBT Giáo dục công dân 8.
- Một số hình ảnh, thông tin, khẩu hiệu, câu chuyện, tình huống,... có nội dung liên quan đến chủ đề bài học.

- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Đối với học sinh

- SHS Giáo dục công dân 8.
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm có liên quan đến nội dung bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

1. **Mục tiêu:** Khai thác vốn sống, trải nghiệm của bản thân HS về lao động cần cù, sáng tạo; tạo tâm thế tích cực, hứng thú học tập của HS và kết nối với bài học mới.

2. **Nội dung:**

- GV tổ chức trò chơi “tiếp sức”: tìm những câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ nói về lao động cần cù, sáng tạo.

- GV dẫn dắt HS vào bài học.

3. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về một số câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ nói về lao động cần cù, sáng tạo và chuẩn kiến thức của GV.

4. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chia lớp thành 2 đội, lần lượt mỗi đội đọc một câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ nói về lao động cần cù, sáng tạo.

- GV nêu câu hỏi thảo luận cho các nhóm:

+ *Em hãy chia sẻ hiểu biết của mình về ý nghĩa của những câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ vừa tìm được?*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS chia đội nhỏ 3 – 4 HS để thực hiện công việc cụ thể trong đội, vận dụng hiểu biết thực tế, suy nghĩ và tìm ra đáp án.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV mời đại diện 2 – 3 HS của từng đội trả lời câu hỏi.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, đội nào tìm được đúng và nhiều câu hơn sẽ thắng.
- GV lấy thêm ví dụ về các câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ nói về lao động cần cù, sáng tạo:

+ *Ai ơi đừng bỏ ruộng hoang*

Bao nhiêu tác đất tác vàng bấy nhiêu.

+ *Ai ơi sớm tối chuyên cần*

Cày sâu cuốc bẫm có phần về sau.

+ *Tay làm hàm nhai, tay quai miệng trễ.*

+ *Trâu ơi ta bảo trâu này,*

Trâu ra ngoài ruộng, trâu cày với ta.

Cấy cày vốn nghiệp nông gia,

Ta đây trâu đấy ai mà quản công,

Bao giờ cây lúa còn bông,

Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn.

- GV dẫn dắt vào bài học:

Lao động làm nên cuộc sống, sáng tạo ra cuộc sống. Lao động cần cù, sáng tạo giúp nâng cao chất lượng, hiệu quả cuộc sống. Vì vậy, các em cần có hiểu biết về lao động cần cù, sáng tạo và rèn luyện phẩm chất này.

Để tìm hiểu rõ hơn về đề này, chúng ta sẽ cùng nhau đi tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay

– **Bài 3: Lao động cần cù, sáng tạo.**

1. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Tìm hiểu khái niệm và biểu hiện của cần cù, sáng tạo trong lao động

I. MỤC TIÊU: Thông qua hoạt động, HS nêu được khái niệm và biểu hiện của cần cù, sáng tạo trong lao động.

1. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm đôi, đọc và tìm hiểu câu chuyện “*Một tấm gương lao động cần cù, sáng tạo*” trong SHS tr.16, 17 và trả lời câu hỏi.

- GV cùng HS rút ra kết luận về khái niệm và biểu hiện của cần cù, sáng tạo trong lao động.

3. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về khái niệm và biểu hiện của cần cù, sáng tạo trong lao động và chuẩn kiến thức của GV.

3. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV mời 1 HS đọc câu chuyện “<i>Một tấm gương lao động cần cù, sáng tạo</i>” trong SHS tr.16, 17.</p> <p>- GV hướng dẫn HS cả lớp thành 4 nhóm và yêu cầu các nhóm thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Nhóm 1: Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi a: <i>Hãy nêu những biểu hiện cần cù, sáng tạo trong lao động của Niu-ton qua câu chuyện trên?</i></p> <p>+ Nhóm 2: Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi b: <i>Các bạn học sinh trong tranh đã lao động như thế nào, sáng tạo ra sao để chế tạo được rô-bốt?</i></p> <p>+ Nhóm 3: Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi c: <i>Em hiểu như thế nào là lao động cần cù, sáng tạo? Hãy nêu các biểu hiện của cần cù, sáng tạo trong lao động?</i></p> <p>+ Nhóm 4: Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi d: <i>Em học hỏi được điều gì từ những tấm gương lao động cần cù, sáng tạo trên?</i></p> <p>- GV tổng hợp các ý kiến trên bảng lớp.</p> <p>- GV hướng dẫn HS rút ra kết luận và nêu khái niệm và biểu hiện của cần cù, sáng tạo trong lao động.</p> <p>Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS làm việc theo nhóm, đọc câu chuyện trong SHS, thảo luận và trả lời câu hỏi.</p>	<p>1. Tìm hiểu khái niệm và biểu hiện của cần cù, sáng tạo trong lao động.</p> <p>- Khái niệm:</p> <p>+ Lao động cần cù là chăm chỉ, chịu khó làm việc một cách thường xuyên, phấn đấu hết mình vì công việc.</p> <p>+ Lao động sáng tạo là luôn luôn suy nghĩ, cải tiến để tìm tòi cái mới, tìm ra cách giải quyết tối ưu nhằm không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả lao động.</p> <p>- Biểu hiện:</p> <p>+ Lao động cần cù: Chăm chỉ, chịu khó làm việc một cách thường xuyên.</p> <p>+ Lao động sáng tạo: Luôn luôn suy nghĩ, tìm tòi, cải tiến phương pháp để lao động có hiệu quả; nghiêm khắc sửa chữa sai lầm, rút ra bài học kinh nghiệm cho bản thân.</p>

- HS rút ra kết luận về khái niệm và biểu hiện của cần cù, sáng tạo trong lao động theo hướng dẫn của GV.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

+ **Câu hỏi a:** *Hằng ngày, Niu-ton thường giam mình trong phòng làm việc để đọc sách, loay hoay đục đẽo và chế tạo nhiều thứ. Có lần đến nhà được sĩ Cờ-lác, ông xin được một chiếc hộp xinh xắn, về nhà, ông cấm cũi đến quên ăn, quên ngủ để tạo ra được một chiếc đồng hồ nước. Là người yêu thích Toán học, Niu-ton đã bỏ ra hai mươi năm lao động, cật lực để hoàn thành cuốn “Các nguyên lí Toán học của Triết học Tự nhiên”.*

+ **Câu hỏi b:** *Các bạn HS đã trải qua nhiều lần thất bại nhưng vẫn tìm mọi cách để khiến cho rô-bốt hoạt động bằng cách thử sáng tạo cải tiến bộ điều khiển và đã thành công.*

+ **Câu hỏi c:** *Lao động cần cù, sáng tạo là chăm chỉ, chịu khó làm việc và thường xuyên suy nghĩ, tìm ra cách giải quyết tối ưu nhằm không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả lao động. Những biểu hiện của cần cù, sáng tạo trong lao động là:*

- *Chăm chỉ, chịu khó làm việc thường xuyên.*
- *Luôn luôn suy nghĩ, tìm tòi, cải tiến phương pháp để lao động có hiệu quả.*
- *Nghiêm khắc sửa chữa sai lầm, rút ra bài học kinh nghiệm cho bản thân.*

+ **Câu hỏi d:** *Từ những tấm gương như Niu-ton và các bạn HS trong bức tranh, em học hỏi được đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động, học tập và sinh hoạt hằng ngày.*

- GV mời đại diện 1 – 2 HS rút ra kết luận và nêu

khái niệm và biểu hiện của sự cần cù, sáng tạo trong lao động.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và kết luận.

- GV chuyển sang nội dung mới.

Hoạt động 2. Tìm hiểu ý nghĩa của cần cù, sáng tạo trong lao động

I. MỤC TIÊU: Thông qua hoạt động, HS giải thích được ý nghĩa của cần cù, sáng tạo trong lao động.

1. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm, quan sát bức tranh, đọc các thông tin 1,2 trong SHS tr.17, 18 và trả lời câu hỏi.

- GV cùng HS rút ra kết luận về ý nghĩa của cần cù, sáng tạo trong lao động.

3. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về ý nghĩa của cần cù, sáng tạo trong lao động và chuẩn kiến thức của GV.

3. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV chia HS cả lớp thành 6 nhóm (2 nhóm cùng thực hiện một nhiệm vụ).</p> <p>- GV nêu nhiệm vụ cho các nhóm:</p> <p>+ Nhóm 1, 2: Quan sát bức tranh trong SHS tr.17 và trả lời câu hỏi a: Qua bức tranh, em hãy cho biết kết quả đã đạt được nhờ sự cần cù, sáng tạo trong lao động là gì?</p> <p>+ Nhóm 3, 4: Đọc thông tin 1 SHS tr.18 và trả lời câu hỏi a: Qua trường hợp trên, em hãy cho biết kết quả đã đạt được nhờ sự cần cù, sáng tạo trong</p>	<p>2. Tìm hiểu ý nghĩa của cần cù, sáng tạo trong lao động</p> <p>- Ý nghĩa của cần cù, sáng tạo trong lao động:</p> <p>+ Giúp con người hoàn thiện và phát triển phẩm chất, năng lực của mỗi cá nhân để nâng cao hiệu quả lao động, góp phần xây dựng quê hương, đất nước.</p> <p>+ Tạo ra được nhiều giá trị vật chất, tinh thần góp phần cải thiện và nâng cao đời sống.</p>

lao động là gì?

+ **Nhóm 5, 6:** Đọc thông tin 2 SHS tr.18 và trả lời câu hỏi b: Việc chưa cần cù, sáng tạo trong lao động khiến gia đình anh Dũng gặp khó khăn gì?

- GV tiếp tục yêu cầu HS thảo luận theo nhóm và trả lời câu hỏi c: Theo em, vì sao cần phải rèn luyện đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động? Nêu những việc cần làm để rèn luyện đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động.

- GV tổng hợp các ý kiến trên bảng lớp.

- GV hướng dẫn HS rút ra kết luận và nêu ý nghĩa của cần cù, sáng tạo trong lao động.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS thảo luận theo nhóm, quan sát bức tranh và đọc thông tin 1, 2 SHS tr.17, 18 và trả lời câu hỏi.

- HS liên hệ bản thân, thực tế, nêu lí do cần phải rèn luyện đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động và lấy ví dụ những việc cần làm để rèn luyện đức tính ấy.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận về bức tranh, thông tin 1, 2 SHS tr.17, 18:

+ **Câu hỏi a (Bức tranh):** Qua bức tranh, chúng ta thấy được nhờ máy gieo hạt của bác M mà sức lao động của người nông dân được giải phóng. Họ không phải mất quá nhiều sức lực để gieo cấy cây trồng mà năng suất lao động vẫn cao.

+ **Câu hỏi a (Thông tin 1):** Ở trường hợp 1, nhờ vào việc N đã không ngừng tìm tòi, thử nghiệm chế tạo nước rửa bát từ những rác thải sinh hoạt có nguồn gốc từ thực vật như: vỏ hoa quả, gốc rau, củ quả mà N đã thành công khi chế tạo nước rửa bát từ vỏ bưởi. Đây là loại chất tẩy rửa sinh học

+ Được mọi người yêu quý, tôn trọng.

=> Học sinh cần phải quý trọng và học hỏi những tấm gương cần cù, sáng tạo trong lao động; phê phán những biểu hiện chây lười, thụ động trong lao động.

vừa an toàn, vừa lành tính, vừa không gây ô nhiễm môi trường và còn tận dụng để không lãng phí nguồn rác thải hữu cơ.

+ **Câu hỏi b (Thông tin 2):** Ở trường hợp 2, việc chưa cần cù, sáng tạo trong lao động khiến kinh tế gia đình anh Dũng gặp nhiều khó khăn vì năng suất cây trồng không cao, thu nhập thấp.

- GV mời đại diện 1 – 2 HS các nhóm trình bày câu trả lời của mình.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án.

- GV kết luận về ý nghĩa của cần cù, sáng tạo trong lao động:

+ *Chúng ta cần phải rèn luyện đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động vì cần cù, sáng tạo trong lao động giúp con người:*

- Hoàn thiện và phát triển phẩm chất, năng lực của mỗi cá nhân để nâng cao hiệu quả lao động, góp phần xây dựng quê hương, đất nước.
- Tạo ra được nhiều giá trị vật chất, tinh thần góp phần cải thiện và nâng cao đời sống.
- Được mọi người yêu quý, tôn trọng.

+ Để rèn luyện đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động, chúng ta cần: chăm chỉ, chịu khó làm việc một cách thường xuyên; luôn luôn suy nghĩ, tìm tòi, cải tiến phương pháp để lao động có hiệu quả; nghiêm khắc sửa chữa sai lầm, rút ra bài học kinh nghiệm cho bản thân.

=> Học sinh phải quý trọng và học hỏi những tấm gương cần cù, sáng tạo trong lao động, phê phán những biểu hiện chây lười, thụ động trong lao động.

1. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS củng cố kiến thức đã học và thực hành xử lý tình huống cụ thể liên quan đến nội dung bài học.

2. Nội dung:

- GV yêu cầu HS trả lời nhanh các câu hỏi trắc nghiệm.
- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi bài tập phần Luyện tập.

3. Sản phẩm: HS chọn được đáp án đúng cho các câu hỏi trắc nghiệm, hoàn thành câu hỏi bài tập phần Luyện tập và chuẩn kiến thức của GV.

3. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động 1: Trả lời câu hỏi trắc nghiệm

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV lần lượt đọc các câu hỏi trắc nghiệm và yêu cầu HS xung phong trả lời nhanh:

Câu 1: Thế nào được hiểu là một người cần cù trong lao động?

1. Hay nghỉ phép vì các lí do không chính đáng
2. Làm việc một cách thường xuyên, phấn đấu hết mình vì công việc
3. Chỉ làm những việc mình được giao
4. Khi có khó khăn thì nhanh chóng đổi sang việc khác

Câu 2: Câu ca dao nào sau đây thể hiện sự cần cù trong lao động?

1. Ai ơi đừng bỏ ruộng hoang/ Bao nhiêu tấc đất, tấc vàng bấy nhiêu
2. Chuồn chuồn bay thấp mưa ngập bờ ao/ Chuồn chuồn bay cao mưa rào lại tạnh
3. Một cây làm chẳng nên non/ Ba cây chụm lại lên hòn núi cao
4. Cha mẹ nuôi con bằng trời bằng bể/ Con nuôi cha mẹ con kể từng ngày

Câu 3: Em tán thành với ý nào dưới đây?

1. Sáng tạo là khả năng bẩm sinh của con người, không thể rèn luyện mà có được
2. Những người làm công tác nghiên cứu khoa học mới cần sáng tạo
3. Trong học tập chỉ cần sự cần cù, không cần sáng tạo

4. Làm công việc nào cũng cần cù và sáng tạo

Câu 4: Em hãy chỉ rõ sự khác nhau của lao động sáng tạo và làm liều?

1. Sáng tạo là không ngừng cải tiến tìm tòi ra cái mới, làm liều là tìm ra các cách làm có hiệu quả
2. Sáng tạo là không nghĩ đến hậu quả của mình đã làm, làm liều là không ngừng tìm tòi ra cái mới
3. Sáng tạo là không ngừng tìm tòi ra cái mới, có giá trị thực tiễn; làm liều là làm theo ý mình, không nghĩ đến hậu quả có thể xảy ra
4. Sáng tạo và làm liều có ý nghĩa tương đương nhau là tạo ra cái mới trong lao động

Câu 5: Hành vi sau đây có thể hiện sự cần cù, sáng tạo trong lao động “Chị L thường xuyên chế tạo các chai lọ bỏ đi thành các giỏ trồng hoa, trang trí cho không gian nhà thêm xanh tươi”?

1. Hành động của chị L thể hiện chị là một người sáng tạo trong lao động
2. Hành động của chị L thể hiện chị là một người cô hủ
3. Chị L có thể mua chậu trồng cây mới để có thể chọn được nhiều mẫu mã đẹp hơn
4. Chị L chỉ chăm chỉ chứ không sáng tạo trong lao động

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức đã học và hiểu biết thực tế của bản thân về cần cù, sáng tạo trong lao động để trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời lần lượt các câu hỏi:

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	B	A	D	C	A

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu đáp án khác (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án.
- GV chuyển sang hoạt động mới.

Hoạt động 2: Trả lời câu hỏi bài tập phần Luyện tập (SHS tr.19)

Nhiệm vụ 1: Em tán thành hay không tán thành với những ý kiến dưới đây? Vì sao?

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 4: BẢO VỆ LỄ PHẢI

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

- Giải thích được một cách đơn giản về sự cần thiết của bảo vệ lễ phải.
- Thực hiện được việc bảo vệ lễ phải bằng lời nói và hành động cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.
- Khích lệ, động viên bạn bè có thái độ, hành vi bảo vệ lễ phải, phê phán thái độ, hành vi không bảo vệ lễ phải.

2. Năng lực

Năng lực chung:

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
- *Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

Năng lực riêng:

- *Năng lực điều chỉnh hành vi:* thực hiện được việc bảo vệ lễ phải bằng lời nói và hành động cụ thể phù hợp với lứa tuổi; khích lệ, động viên bạn bè có thái độ, hành vi bảo vệ lễ phải, phê phán thái độ, hành vi không bảo vệ lễ phải.
- *Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội:* nhận biết được một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề của đời sống xã hội về bảo vệ lễ phải; bước đầu biết cách thu thập, xử lý thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, tình huống về bảo vệ lễ phải trong đời

sống thực tế; lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết vấn đề bảo vệ lẽ phải tron một số tình huống cụ thể.

3. Phẩm chất

- Trung thực, khách quan, dũng cảm, có trách nhiệm trong việc bảo vệ lẽ phải.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SHS, SGV, SBT Giáo dục công dân 8.
- Video, tranh ảnh liên quan tới bài học, phiếu học tập.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Đối với học sinh

- SHS Giáo dục công dân 8.
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm có liên quan đến nội dung bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

1. **Mục tiêu:** Bước đầu HS thấy được vị trí, tầm quan trọng của việc bảo vệ lẽ phải ; chia sẻ trải nghiệm về bảo vệ lẽ phải để dẫn vào bài mới.

2. Nội dung:

- GV cho HS đọc câu ca dao trong SHS tr.20 và yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- GV dẫn dắt HS vào bài học.

3. Sản phẩm:

- Câu trả lời của HS về ý nghĩa của bảo vệ lẽ phải qua câu ca dao và chuẩn kiến thức của GV.
- HS lắng nghe và hiểu định nghĩa về bảo vệ lẽ phải.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV cho HS đọc câu ca dao (SHS tr.20) và yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Ý nghĩa của câu ca dao là gì?*

“Dù cho đất đổi trời thay

Trăm năm vẫn giữ lòng ngay với đời.”

- GV yêu cầu HS nêu thêm một số câu ca dao, tục ngữ khác về bảo vệ lẽ phải.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc câu ca dao trong SHS và trả lời câu hỏi.

- HS dựa vào hiểu biết của bản thân, thông tin tìm hiểu trên sách, báo, internet,...kể thêm một số câu ca dao, tục ngữ khác về bảo vệ lẽ phải.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời: *Câu ca dao khuyên con người phải sống ngay thẳng, trung thực, dũng cảm bảo vệ lẽ phải.*

- GV mời 2-3 HS nêu thêm một số câu ca dao, tục ngữ khác nói về bảo vệ lẽ phải:

+ *Thật vàng, không sợ lửa.*

+ *Nói phải củ cải cũng nghe.*

+ *Dù ai nói ngả nói nghiêng*

Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân...

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và kết luận.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Xã hội được thiết lập bởi những mối quan hệ đa dạng, phong phú giữa các cá nhân. Để duy trì trật tự chung, mỗi cộng đồng trong xã hội đều có những quy tắc, chuẩn mực giúp con người điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp với lợi ích của cộng đồng. Những quy tắc, chuẩn mực được cộng đồng thừa nhận là đúng đắn, hợp đạo lý sẽ trở thành lẽ phải. Mỗi người trong cộng đồng cần có trách nhiệm bảo vệ lẽ phải, đấu tranh với những điều sai trái, giúp cho xã hội ổn định, lành mạnh và tốt đẹp hơn; củng cố niềm tin của con người vào sức mạnh của cộng đồng, luật pháp và lương tri.*

Để tìm hiểu rõ hơn về đề này, chúng ta sẽ cùng nhau đi tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay
– **Bài 4 – Bảo vệ lẽ phải.**

1. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Tìm hiểu sự cần thiết phải bảo vệ lẽ phải

I. MỤC TIÊU: Thông qua hoạt động, HS giải thích được sự cần thiết phải bảo vệ lẽ phải.

1. Nội dung:

- GV mời HS đọc câu chuyện “*Sự trung thực hay là tình bạn*” SHS tr.20, 21.
- GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm, đọc các thông tin SHS tr.20, 21 và trả lời câu hỏi.
- GV cùng HS rút ra kết luận về sự cần thiết phải bảo vệ lẽ phải.

3. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về sự cần thiết phải bảo vệ lẽ phải và chuẩn kiến thức của GV.

3. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS đọc câu chuyện “<i>Sự trung thực hay là tình bạn</i>” SHS tr.20, 21. - GV chia HS cả lớp thành 6 nhóm và yêu cầu các nhóm thực hiện nhiệm vụ: <p>+ Nhóm 1, 2: Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi a: <i>Chánh án Pe-rin Lao-ri đã làm gì khi nhận được lá thư của người bạn thời thơ ấu? Việc làm đó của ông có ý nghĩa gì?</i></p> <p>+ Nhóm 3, 4: Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi b: <i>Theo em, thế nào là bảo vệ lẽ phải?</i></p> <p>+ Nhóm 5, 6: Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi c: <i>Nêu lí do của sự cần thiết phải bảo vệ lẽ phải? Nếu không bảo vệ lẽ phải thì điều gì sẽ xảy ra?</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổng hợp các ý kiến trên bảng lớp. - GV hướng dẫn HS rút ra kết luận và nêu lí do của sự cần thiết của bảo vệ lẽ phải. <p>Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin SHS, thảo luận 	<p>1. Tìm hiểu sự cần thiết phải bảo vệ lẽ phải</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Khái niệm về lẽ phải:</i> <p>Lẽ phải là những điều đúng đắn, phù hợp với đạo lí và lợi ích chung của xã hội.</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Sự cần thiết của việc bảo vệ lẽ phải:</i> <p>+ Bảo vệ lẽ phải là công nhận, ủng hộ, tuân theo và bảo vệ những điều đúng đắn; biết điều chỉnh suy nghĩ, hành vi của mình theo lẽ phải, không chấp nhận và không làm những việc sai trái.</p> <p>+ Việc bảo vệ lẽ phải giúp mỗi người có cách ứng xử phù hợp; góp phần bảo vệ cái đúng, cái tốt, đẩy lùi cái sai, cái xấu, để làm lành mạnh mối quan hệ xã hội, thúc đẩy xã hội ổn định, phát triển; củng cố niềm tin của con người vào cộng đồng, pháp luật và lương tri.</p>

và trả lời câu hỏi.

- HS rút ra kết luận về kết luận sự cần thiết của bảo vệ lễ phải.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện các nhóm lần lượt trả lời 3 câu hỏi:

+ *Câu hỏi a: Pe-rin Lao-ri đã khách quan, công tâm khi không tha bổng cho con trai người bạn cũ, không vì tình riêng mà ảnh hưởng tới sự nghiêm minh của pháp luật. Việc làm đó có ý nghĩa quan trọng để ổn định và phát triển cộng đồng.*

+ *Câu hỏi b: Lễ phải là những điều đúng đắn, phù hợp với đạo lý và lợi ích chung của xã hội.*

+ *Câu hỏi c:*

- *Bảo vệ lễ phải là bảo vệ lợi ích chung của cộng đồng cũng như lợi ích chính đáng của mỗi cá nhân, giúp mỗi người có cách ứng xử phù hợp; góp phần bảo vệ cái đúng, cái tốt, đẩy lùi cái sai, cái xấu, để làm lành mạnh mối quan hệ xã hội, thúc đẩy xã hội ổn định, phát triển; củng cố niềm tin của con người vào cộng đồng, pháp luật và lương tri. Người biết bảo vệ lễ phải sẽ được mọi người yêu quý, kính trọng và tin tưởng.*

- *Nếu không biết bảo vệ lễ phải, lợi ích chính đáng của mỗi cá nhân và cộng đồng sẽ bị vi phạm, gây mất ổn định xã hội, làm mất niềm tin của con người vào cộng đồng, pháp luật và lương tri.*

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án.

- GV hướng dẫn HS rút ra kết luận về sự cần thiết của

bảo vệ lẽ phải.

- GV chuyển sang nội dung mới.

Hoạt động 2. Tìm hiểu những việc cần làm để bảo vệ lẽ phải

I. MỤC TIÊU: Thông qua hoạt động, HS nêu được những việc cần làm để bảo vệ lẽ phải.

1. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm, quan sát bức tranh trong SHS tr.21, 22 và trả lời câu hỏi.
- GV cùng HS rút ra kết luận về những việc cần làm để bảo vệ lẽ phải.

3. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về những việc cần làm để bảo vệ lẽ phải và chuẩn kiến thức của GV.

3. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chia HS cả lớp thành 6 nhóm (2 nhóm cùng thực hiện một nhiệm vụ). - GV nêu nhiệm vụ cho các nhóm: <p>+ Nhóm 1, 2: Quan sát bức tranh 1 SHS tr.21 và trả lời câu hỏi: <i>Hãy chỉ ra những lời nói, việc làm thể hiện bảo vệ lẽ phải trong bức tranh trên?</i></p> <p>+ Nhóm 3, 4: Quan sát bức tranh 2 SHS tr.22 và trả lời câu hỏi: <i>Hãy chỉ ra những lời nói, việc làm thể hiện bảo vệ lẽ phải trong bức tranh trên?</i></p> <p>+ Nhóm 5, 6: Quan sát bức tranh 3 SHS tr.22 và trả lời câu hỏi: <i>Hãy chỉ ra những lời nói, việc làm thể hiện bảo vệ lẽ phải trong bức tranh trên?</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu các nhóm thảo luận tiếp và trả lời thêm câu hỏi: <i>Trong những trường hợp trên, ai không bảo vệ lẽ phải?</i> - GV nêu thêm câu hỏi, yêu cầu HS trả lời nhanh: <i>Theo em, chúng ta cần làm gì để bảo vệ lẽ phải?</i> 	<p>2. Tìm hiểu những việc cần làm để bảo vệ lẽ phải</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh cần thực hiện được việc bảo vệ lẽ phải bằng lời nói và hành động cụ thể, phù hợp với lứa tuổi. - Khích lệ, động viên bạn bè có thái độ, hành vi bảo vệ lẽ phải, phê phán thái độ, hành vi không bảo vệ lẽ phải.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS thảo luận theo nhóm, quan sát 3 bức tranh và trả lời câu hỏi.
- HS làm việc nhóm trả lời câu hỏi ai là người không bảo vệ lẽ phải.
- HS liên hệ bản thân, thực tế, nêu những việc làm để bảo vệ lẽ phải.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận sau khi quan sát các bức tranh SHS tr.21, 22:

+ *Bức tranh 1: Bạn nữ bên phải biết bảo vệ lẽ phải vì một trong những việc làm bảo vệ lẽ phải là mình oan cho người bị đổ oan.*

+ *Bức tranh 2: Bạn nam đã bảo vệ lẽ phải một cách thông minh khi nhanh chóng ghi biển số xe của người gây tai nạn và đến trụ sở công an để trình báo sự việc. Nhờ đó, công an có thông tin để có thể tìm ra thủ phạm trong thời gian sớm nhất.*

+ *Bức tranh 3: Người đàn ông đã làm đúng, không vì tình thân mà bênh vực con trai khi con mình vi phạm pháp luật.*

- GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi ai là người không bảo vệ lẽ phải:

+ *Bức tranh 1: Bạn nữ bên trái, biết bạn oan mà không minh oan cho bạn.*

+ *Bức tranh 2: Người gây tai nạn rồi bỏ chạy.*

+ *Bức tranh 3: Người phụ nữ muốn chồng/ người thân cứu giúp con mình.*

- GV mời đại diện 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp về những việc cần làm để bảo vệ lẽ phải:

+ *Tôn trọng, công nhận, ủng hộ, tuân theo và bảo vệ*

những điều đúng đắn.

+ *Biết điều chỉnh suy nghĩ và hành vi của mình theo hướng tích cực.*

+ *Phê phán, đấu tranh với những hành vi sai trái, không hợp lẽ phải.*

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án.

- GV kết luận về những việc cần làm để bảo vệ lẽ phải.

1. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS củng cố kiến thức đã học qua việc bày tỏ ý kiến, nhận xét hành vi, xử lý tình huống, liên hệ bản thân về những vấn đề liên quan tới bảo vệ lẽ phải.

2. Nội dung:

- GV yêu cầu HS trả lời nhanh các câu hỏi trắc nghiệm.

- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi bài tập phần Luyện tập.

3. Sản phẩm: HS chọn được đáp án đúng cho các câu hỏi trắc nghiệm, hoàn thành câu hỏi bài tập phần Luyện tập và chuẩn kiến thức của GV.

3. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động 1: Trả lời câu hỏi trắc nghiệm

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV lần lượt đọc các câu hỏi trắc nghiệm và yêu cầu HS xung phong trả lời nhanh:

Câu 1: Câu ca dao sau nói về điều gì “*Khôn chẳng qua lẽ, khỏe chẳng qua lời*”?

1. Tôn trọng lẽ phải
2. Tôn sư trọng đạo
3. Đạo lí nhân nghĩa

4. Tinh thần đoàn kết

Câu 2: Biểu hiện của tôn trọng lẽ phải trong học tập là gì?

1. Nghiêm túc trong kì thi, không gian lận, đạo văn, mở tài liệu trong phòng thi
2. Giúp đỡ bạn khác sao chép tài liệu của bài tiểu luận cuối kì
3. Mặc kệ các việc làm sai trái của các bạn bè trong lớp khi mình được chứng kiến
4. Tỏ thái độ gay gắt với bạn bè, thầy cô

Câu 3: Đây là cơ quan công quyền giúp công dân thực thi bảo vệ lẽ phải?

1. Tòa án nhân dân
2. Ủy ban nhân dân
3. Quốc hội
4. Hội đồng nhân dân các cấp

Câu 4: Vì sao chúng ta cần phải tôn trọng lẽ phải?

1. Vì nếu không tôn trọng sẽ bị phạt bởi luật pháp.
2. Vì những hành động tôn trọng lẽ phải, cư xử đúng đắn sẽ làm xã hội của chúng ta tốt đẹp.
3. Vì chúng ta được giáo dục rằng phải tôn trọng lẽ phải.
4. Vì con người có thể chung sống trong hòa bình.

Câu 5: Vì sao không nên nói dối, đặt điều với con trẻ?

1. Vì trẻ nhỏ học theo rất nhanh, những lời nói dối tưởng chừng vô hại thì vô tình có thể sẽ trở thành thói quen nói dối cho trẻ khi lớn.
2. Vì trẻ nhỏ không biết nhận thức đâu là đúng đâu là sai, nên việc nói dối trẻ không ảnh hưởng gì đến sự phát triển của trẻ nhỏ.
3. Vì trẻ con không nhận thức được điều đúng sai nên cha mẹ có thể nói dối với con.
4. Vì không phải đứa trẻ nào cũng nhận thức được đúng sai nên không trở thành thói quen khi lớn.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức đã học và hiểu biết thực tế của bản thân về bảo vệ lẽ phải để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời lần lượt các câu hỏi:

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	A	A	A	B	A

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu đáp án khác (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án.

- GV chuyển sang hoạt động mới.

Hoạt động 2: Trả lời câu hỏi bài tập phần Luyện tập (SHS tr.23, 24)

Nhiệm vụ 1: Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào dưới đây? Vì sao?

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 5: BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

- Giải thích được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.
- Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên; một số biện pháp cần thiết để bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.
- Nêu được trách nhiệm của học sinh trong việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

- Thực hiện được việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên bằng những việc làm phù hợp với lứa tuổi.
- Phê phán, đấu tranh với những hành vi gây ô nhiễm môi trường và phá hoại tài nguyên thiên nhiên.

2. Năng lực

Năng lực chung:

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
- *Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

Năng lực riêng:

- *Năng lực phát triển bản thân:* tự nhận thức được sở thích, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân trong việc tham gia bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên; lập và thực hiện được kế hoạch bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên ở địa phương.
- *Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội:* Nhận biết được một số hiện tượng, vấn đề của đời sống xã hội về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên; bước đầu biết cách thu thập, xử lý thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, tình huống về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên; lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết được một số vấn đề bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên trong đời sống thực tế.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ, tích cực, tự giác tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên phù hợp với lứa tuổi.
- Có trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SHS, SGK, SBT Giáo dục công dân 8.
- Một số hình ảnh, thông tin, khẩu hiệu, câu chuyện, tình huống,... có liên quan đến chủ đề bài học.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Đối với học sinh

- SHS Giáo dục công dân 8.
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm có liên quan đến nội dung bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

1. **Mục tiêu:** Giới thiệu ý nghĩa bài học, khai thác vốn sống, trải nghiệm của bản thân HS về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên; Tạo tâm thế tích cực, hứng thú học tập của HS và kết nối với bài học mới.

2. Nội dung:

- GV yêu cầu HS kể về một số hoạt động góp phần bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.
- GV dẫn dắt HS vào bài học.

3. Sản phẩm:

- Câu trả lời của HS về một số hoạt động góp phần bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.
- HS lắng nghe và hiểu định nghĩa về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS kể về một số hoạt động góp phần bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng hiểu biết thực tế, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.
- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời câu hỏi.
- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và kết luận.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Môi trường và tài nguyên thiên nhiên là điều kiện quan trọng, thiết yếu cho sự tồn tại, phát triển của con người và sinh vật. Hiện nay, môi trường nhiều nơi đang bị ô nhiễm nghiêm trọng, tài nguyên thiên nhiên bị cạn kiệt,... ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của con người và sinh vật. Vì vậy, bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên là vấn đề cấp bách trong việc phát triển bền vững của mỗi quốc gia.*

Để tìm hiểu rõ hơn về đề này, chúng ta sẽ cùng nhau đi tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay
– **Bài 5 – Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.**

1. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Tìm hiểu sự cần thiết phải bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên

I. MỤC TIÊU: Thông qua hoạt động, HS giải thích được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

1. Nội dung:

- GV mời HS đọc thông tin về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên SHS tr.25, 26, 27.
- GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm, đọc các thông tin SHS tr.25, 26, 27 và trả lời câu hỏi.
- GV cùng HS rút ra kết luận về sự cần thiết phải bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

3. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về sự cần thiết phải bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên và chuẩn kiến thức của GV.

3. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1: Sự cần thiết phải bảo vệ môi trường</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV mời 1 HS đọc thông tin a SHS tr.25, 26.</p> <p>- GV chia HS cả lớp thành 4 nhóm và yêu cầu các nhóm thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Nhóm 1, 2: Đọc thông tin a và trả lời câu hỏi a: <i>Môi trường bị ô nhiễm đã ảnh hưởng tới động, thực vật và con người như thế nào? Em hãy lấy thêm ví dụ minh chứng cho việc ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường tới đời sống và sản xuất của con người?</i></p> <p>+ Nhóm 3, 4: Đọc thông tin a và trả lời câu hỏi b: <i>Theo em, việc bảo vệ môi trường cần thiết như thế nào đối với cuộc sống của người dân và mỗi quốc gia.</i></p>	<p>1. Tìm hiểu sự cần thiết phải bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên</p> <p>- <i>Tầm quan trọng của môi trường và tài nguyên thiên nhiên:</i></p> <p>+ Có tầm quan trọng đặc biệt đối với đời sống của con người, là cơ sở để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, tạo cho con người phương tiện sinh sống, phát triển trí tuệ, đạo đức, tinh thần.</p> <p>- <i>Sự cần thiết phải bảo vệ môi trường:</i></p> <p>+ Bảo vệ môi trường sẽ giúp cho môi trường trong lành, sạch đẹp, bảo đảm cân bằng sinh thái.</p>

- GV tổng hợp các ý kiến trên bảng lớp.

- GV hướng dẫn HS rút ra kết luận và nêu lí do của sự cần thiết của bảo vệ môi trường.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin SHS, thảo luận và trả lời câu hỏi.

- HS rút ra kết luận về kết luận sự cần thiết của bảo vệ môi trường.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện các nhóm lần lượt trả lời các câu hỏi:

+ Câu hỏi a:

● Ô nhiễm không khí, đặc biệt là ô nhiễm bụi mịn, đang trở thành vấn đề của các quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Việc phơi nhiễm với hàm lượng bụi cao trong không khí, đặc biệt là bụi mịn, làm tăng nguy cơ mắc các bệnh như nhiễm khuẩn cấp tính đường hô hấp dưới, đột quỵ, đau tim, bệnh tắc nghẽn phổi mãn tính và ung thư phổi. Khí thải từ hoạt động giao thông và hoạt động công nghiệp chứa nhiều thành phần độc hại như CO, NO₂,... có thể gây ung thư hoặc gây kích thích, một số chất độc khác còn có thể ngấm vào máu, gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới sức khỏe con người.

● Ảnh hưởng của ô nhiễm nguồn nước đối với sức khỏe con người thông qua uống nước bị ô nhiễm hay các loại rau quả, thủy hải sản được nuôi trồng trong nước bị ô nhiễm,... gây nên một số bệnh như: các bệnh về đường tiêu hóa, bệnh giun sán, các bệnh do muỗi truyền, các bệnh về mắt, ngoài da,...

● Ô nhiễm đất không chỉ ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và chất lượng nông sản mà còn ảnh hưởng đến sức khỏe con người và động vật thông qua chuỗi thức ăn.

+ Ngăn chặn, khắc phục các hậu quả xấu do con người và thiên nhiên gây ra.

- *Sự cần thiết phải bảo vệ tài nguyên thiên nhiên:*

Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên sẽ giúp cho nguồn tài nguyên không bị cạn kiệt.

=> Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên là quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân. Nhà nước có chính sách bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên; bảo tồn thiên nhiên; đa dạng sinh học; chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

+ *Câu hỏi b: Việc bảo vệ môi trường cần thiết đối với con người và sự phát triển của mỗi quốc gia vì hiện nay môi trường đang bị ô nhiễm trầm trọng, ảnh hưởng rất lớn đối với đời sống xã hội và sự phát triển bền vững. Bảo vệ môi trường chính là bảo vệ sự sống của chúng ta.*

- GV hướng dẫn HS rút ra kết luận về sự cần thiết của bảo vệ môi trường.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án.

- GV chuyển sang nhiệm vụ mới.

Nhiệm vụ 2: Sự cần thiết phải bảo vệ tài nguyên thiên nhiên

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV mời 1 HS đọc thông tin b SHS tr.26, 27.

- GV chia HS cả lớp thành 4 nhóm và yêu cầu các nhóm thực hiện nhiệm vụ:

+ **Nhóm 1, 2:** *Đọc thông tin và trả lời câu hỏi a: Em hãy cho biết tài nguyên rừng có vai trò như thế nào đối với cuộc sống của con người?*

+ **Nhóm 3, 4:** *Theo em, việc bảo vệ và khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên có ý nghĩa như thế nào đối với cuộc sống của người dân và sự phát triển của mỗi quốc gia?*

- GV tổng hợp các ý kiến trên bảng lớp.

- GV hướng dẫn HS rút ra kết luận và nêu lí do của sự cần thiết của bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin SHS, thảo luận

và trả lời câu hỏi.

- HS rút ra kết luận về kết luận sự cần thiết của bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện các nhóm lần lượt trả lời 2 câu hỏi:

+ **Câu hỏi a:** *Tài nguyên rừng có ý nghĩa vô cùng to lớn đối với cuộc sống của con người:*

- *Rừng có 5 vai trò chính: nuôi dưỡng đất, lưu trữ các-bon, cung cấp thực phẩm lành mạnh cho hàng triệu con người, điều tiết nước và là nhà của khoảng 80% các giống loài sống trên cạn.*

- *Rừng chính là lá phổi xanh, điều hòa khí hậu, bảo tồn một số loài động vật quý hiếm; cung cấp lâm sản xuất khẩu; thảm thực vật rừng có vai trò quan trọng trong công việc chống xói mòn, sạt lở, hạn chế lũ lụt cũng như giữ được nguồn nước ngầm, tránh hạn hán;...*

+ **Câu hỏi b:** *Việc bảo vệ và khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên có ý nghĩa vô cùng to lớn đối với cuộc sống của người dân và sự phát triển của mỗi quốc gia:*

- *Đối với người dân: con người khai thác tài nguyên thiên nhiên để phục vụ cuộc sống của con người.*

- *Đối với mỗi quốc gia: tài nguyên thiên nhiên đóng một vai trò vô cùng quan trọng đối với nền kinh tế cũng như sự phát triển ổn định của đất nước. Tài nguyên thiên nhiên là điều kiện cần để giúp phát triển nền kinh tế, mỗi khi chúng ta biết cách khai thác những tài nguyên thiên nhiên này một cách hợp lý và hiệu quả sẽ giúp nền kinh tế phát triển tốt hơn. Những tài nguyên như quặng kim loại (sắt, đồng, vàng, bạc,...) sẽ giúp nền kinh tế phát triển, giúp phát triển các ngành sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, sản xuất thủy tinh, vật liệu xây dựng, sành sứ,... Ngoài ra, tài nguyên thiên nhiên còn tạo ra nguồn tích lũy vốn ban đầu cho*

công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

- GV hướng dẫn HS rút ra kết luận về sự cần thiết của bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án.

- GV chuyển sang nội dung mới.

Hoạt động 2. Tìm hiểu một số quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên

I. MỤC TIÊU: Thông qua hoạt động, HS nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên.

1. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm, đọc thông tin và quan sát các bức tranh trong SHS tr.27, 28, 29, 30 và trả lời câu hỏi.

- GV cùng HS rút ra kết luận về một số quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên.

3. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về một số quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên.

3. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1: Quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV chia HS cả lớp thành 6 nhóm (2 nhóm cùng thực hiện một nhiệm vụ).</p> <p>- GV nêu nhiệm vụ cho các nhóm:</p>	<p>2. Tìm hiểu một số quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên</p> <p>- <i>Pháp luật Việt Nam quy định:</i></p> <p>+ Nghiêm cấm các hoạt động chặt, phá, lấn chiếm, đốt rừng; đưa chất cháy nổ, săn bắn, nuôi nhốt, giết, tàng trữ, buôn bán động vật rừng trái quy định; khai</p>

+ **Nhóm 1, 2:** Quan sát bức tranh 1 SHS tr.28 và trả lời câu hỏi: Căn cứ vào các quy định của pháp luật, em hãy cho biết trong bức tranh 1, chủ thể đã thực hiện đúng hay vi phạm các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường? Vì sao?

+ **Nhóm 3, 4:** Quan sát bức tranh 2 SHS tr.28 và trả lời câu hỏi: Căn cứ vào các quy định của pháp luật, em hãy cho biết trong bức tranh 2, chủ thể đã thực hiện đúng hay vi phạm các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường? Vì sao?

+ **Nhóm 5, 6:** Quan sát bức tranh 3 SHS tr.28 và trả lời câu hỏi: Căn cứ vào các quy định của pháp luật, em hãy cho biết trong bức tranh 2, chủ thể đã thực hiện đúng hay vi phạm các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường? Vì sao?

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS thảo luận theo nhóm, đọc thông tin và quan sát 3 bức tranh SHS tr.27, 28 và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận sau khi đọc thông tin và quan sát các bức tranh SHS tr.27, 28:

+ **Bức tranh 1:** Chủ thể thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường vì đã phân loại rác thải sinh hoạt. Đây là một việc làm đúng, thực hiện tốt khoản 1 Điều 4 Luật Bảo vệ môi trường năm 2010 (Bảo vệ môi trường là quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân).

+ **Bức tranh 2:** Chủ thể vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường vì đã đổ rác thải xuống hè phố, gây ô nhiễm môi trường. Việc làm này vi phạm khoản 1 Điều 6: Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động bảo vệ môi trường: Vận chuyển, chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn, chất thải nguy hại không đúng quy trình kỹ thuật, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

thác tài nguyên thiên nhiên trái quy định của pháp luật.

+ Chỉ được tiến hành hoạt động khoáng sản khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép.

+ Nghiêm cấm hủy hoại nguồn lợi thủy sản, nơi cư trú của các loài thủy sản; khai thác, nuôi trồng thủy sản ảnh hưởng đến môi trường.

+ Nghiêm cấm đổ chất thải, chất độc hại làm ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước; xả thải khí độc hại trực tiếp vào nguồn nước, lòng đất; khai thác trái phép khoáng sản, cát, sỏi trên sông, suối, kênh rạch, gây sạt lở, biến dạng dòng chảy;...

+ **Bức tranh 3:** Chủ thể vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường vì đã vận chuyển vật liệu xây dựng nhưng không bảo quản, che chắn khiến chất thải rơi xuống lòng đường, hệ phố, gây ô nhiễm môi trường. Việc làm này vi phạm khoản 1 Điều 6: Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động bảo vệ môi trường: Vận chuyển, chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn, chất thải nguy hại không đúng quy trình kỹ thuật, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án.

- GV giới thiệu với HS một số nội dung trong Hiến pháp và các luật liên quan: Hiến pháp năm 2013 (Điều 43), Bộ luật Hình sự năm 2015 (Điều 235, 236),...

- GV kết luận về những quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- GV chuyển sang nhiệm vụ mới.

Nhiệm vụ 2: Quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chia HS cả lớp thành 4 nhóm (2 nhóm cùng thực hiện một nhiệm vụ).

- GV nêu nhiệm vụ cho các nhóm:

+ **Nhóm 1, 2:** Dựa vào thông tin 1, em hãy cho biết các chủ thể nào trong trường hợp 2 và hai bức tranh đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên? Vì sao?

+ **Nhóm 3, 4:** Dựa vào thông tin 1, em hãy cho biết các chủ thể nào trong trường hợp 2 và hai bức tranh đã thực hiện chưa đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên? Vì sao?

- GV hướng dẫn HS rút ra kết luận về quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS thảo luận theo nhóm, đọc thông tin và quan sát 2 bức tranh SHS tr.28, 29, 30 và trả lời câu hỏi.

- HS rút ra kết luận về quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận sau khi đọc thông tin và quan sát các bức tranh SHS tr.28, 29, 30:

+ **Nhóm 1, 2:** Trong trường hợp 2, chủ thể thực hiện đúng pháp luật về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên là: Hải và một số người dân vì đã có việc làm đúng đắn: tố cáo hành vi khai thác cát trái phép của Công ty T gây ảnh hưởng tới môi trường và cuộc sống của người dân nơi đây. Chính quyền đã thực hiện đúng quy định của pháp luật khi xử lý vi phạm đối với Công ty T theo quy định của pháp luật.

+ **Nhóm 3, 4:** Chủ thể vi phạm pháp luật về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên là công ty T vì có hành vi khai thác cát trái phép, gây ảnh hưởng tới môi trường, cạn kiệt tài nguyên, gây sạt lở, sụt lún,... khiến diện tích đất canh tác bị thu hẹp,...

- GV kết luận về những quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án.

- GV giới thiệu với HS một số nội dung trong các luật liên quan: Luật Lâm nghiệp năm 2017 (Điều 4), Luật

Khoảng sản năm 2010 (Điều 8), Bộ luật Hình sự năm 2015 (Điều 242, 243, 244),...

- GV chuyển sang nội dung mới.

Hoạt động 3. Tìm hiểu một số biện pháp bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên

I. MỤC TIÊU: Thông qua hoạt động, HS nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

1. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm, đọc 2 thông tin trong SHS tr.30, 31 và trả lời câu hỏi.
- GV tiếp tục hướng dẫn HS chơi trò chơi “Đổi mặt” kể thêm một số biện pháp bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.
- GV cùng HS rút ra kết luận về một số biện pháp bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

3. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về một số biện pháp bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

3. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chia HS cả lớp thành 4 nhóm (2 nhóm cùng thực hiện một nhiệm vụ). - GV nêu nhiệm vụ cho các nhóm: <p>+ Nhóm 1, 2: Đọc thông tin 1 và trả lời câu hỏi: <i>Những biện pháp nêu ở thông tin trên có tác dụng bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên như thế nào?</i></p> <p>+ Nhóm 3, 4: Đọc thông tin 2 và trả lời câu hỏi: <i>Những biện pháp nêu ở thông tin trên có tác dụng bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên như thế nào?</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 5-7 HS lên bảng tham gia trò chơi “Đổi mặt” (5 phút), khi tới lượt HS nào thì HS đó phải kể một biện pháp bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên, không lặp lại đáp án các bạn trước đã nêu. - GV cho HS liên hệ việc bảo vệ môi trường và tài 	<p>3. Tìm hiểu một số biện pháp bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ tài nguyên, môi trường. - Tích cực tham gia vào các phong trào, hoạt động bảo vệ môi trường tại địa phương. - Thường xuyên tổ chức tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho người dân, cộng đồng, doanh nghiệp, thực hiện tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế ít chất thải, kinh tế tuần hoàn, trồng rừng,... - Nghiêm cấm mọi hoạt động làm suy kiệt nguồn tài nguyên, hủy hoại môi trường.

nguyên thiên nhiên ở chính địa phương các em.

- GV hướng dẫn HS rút ra kết luận về một số biện pháp bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS thảo luận theo nhóm, đọc thông tin SHS tr.30, 31 và trả lời câu hỏi.

- HS tìm hiểu dựa vào hiểu biết của bản thân, thông tin tìm hiểu trên sách, báo, internet,... nêu thêm một số biện pháp bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

- Liên hệ tới việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên ở chính địa phương các em.

HS rút ra kết luận về một số biện pháp bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận sau khi đọc thông tin và quan sát các bức tranh SHS tr.30, 31:

+ *Thông tin 1: Việc Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án trồng 1 tỷ cây xanh giúp cả nước trồng được 1 tỷ cây xanh, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, cải thiện cảnh quan và ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển kinh tế xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân và sự phát triển bền vững của đất nước.*

+ *Thông tin 2: Việc ứng dụng nông nghiệp hữu cơ giúp hạn chế tối đa các hóa chất gây độc hại cho cây trồng và môi trường, góp phần bảo vệ môi trường, đồng thời bảo vệ nguồn nước, nguồn đất.*

- GV mời 5-7 HS lên bảng tham gia trò chơi “Đổi mặt”: kể một biện pháp bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

+ *Một số biện pháp bảo vệ môi trường: Dọn dẹp vệ sinh nhà ở, đường phố tại địa phương mình sống; Vứt rác đúng nơi quy định, không xả rác bừa bãi; Hạn chế*

- Phê phán, đấu tranh với các hành vi gây ô nhiễm môi trường và phá hoại tài nguyên thiên nhiên.

sử dụng túi ni-lông; Tích cực trồng cây xanh; Không tiếp tay cho hành vi gây tổn hại đến môi trường;...

+ Một số biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên: Tiết kiệm nước sạch; khó vòi nước khi không sử dụng; sửa chữa và khắc phục đường ống nước bị rò rỉ; tái sử dụng nước sinh hoạt để tưới cho cây trồng; tắm bằng vòi hoa sen thay vì tắm bồn; tiết kiệm năng lượng: lắp đặt bình nước nóng bằng năng lượng mặt trời; tận dụng nguồn nước để phát điện;...

- GV cho HS liên hệ việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên ở chính địa phương các em.

- GV rút ra kết luận về một số biện pháp bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án.

- GV chuyển sang nội dung mới.

Hoạt động 4. Tìm hiểu trách nhiệm của HS trong việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên

1. MỤC TIÊU: Thông qua hoạt động, HS nêu được trách nhiệm của HS trong việc bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên.

1. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS quan sát 3 bức tranh trong SHS tr.31 và trả lời câu hỏi.

- GV cùng HS rút ra kết luận về trách nhiệm của HS trong việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

3. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về trách nhiệm của HS trong việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

d. Tổ chức thực hiện:

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 6: XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU CÁ NHÂN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

- Nhận biết được thế nào là mục tiêu cá nhân; các loại mục tiêu cá nhân.
- Hiểu vì sao phải xác định mục tiêu cá nhân.
- Nêu được cách xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân.
- Xây dựng được mục tiêu cá nhân của bản thân và kế hoạch hành động nhằm đạt mục tiêu đó.

2. Năng lực

Năng lực chung:

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
- *Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

Năng lực riêng:

- *Năng lực phát triển bản thân:* tự nhận thức được sở thích, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân trong việc xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân; xây dựng được mục tiêu của bản thân và kế hoạch hành động nhằm đạt mục tiêu đó.
- *Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội:* Nhận biết được một số hiện tượng, vấn đề của đời sống xã hội về xác định mục tiêu cá nhân; bước đầu biết cách thu thập, xử lý thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, tình huống về xác định mục tiêu cá nhân; lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết được một số vấn đề về xác định mục tiêu cá nhân trong đời sống thực tế.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ, luôn vươn lên để đạt kết quả tốt trong học tập, lao động và các hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi.
- Có trách nhiệm trong việc xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SHS, SGV, SBT Giáo dục công dân 8.
- Câu chuyện, tấm gương, những ví dụ thực tế gắn liền với nội dung bài học.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Đối với học sinh

- SHS Giáo dục công dân 8.
- Câu chuyện, tấm gương, tư liệu sưu tầm có liên quan đến nội dung bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

1. Mục tiêu: Khởi gợi, dẫn dắt HS vào bài học và giúp HS có hiểu biết ban đầu về bài học mới.

2. Nội dung:

- GV mời một số HS chia sẻ trải nghiệm về việc đặt mục tiêu cá nhân của mình.
- GV dẫn dắt HS vào bài học.

3. Sản phẩm:

- Những chia sẻ trải nghiệm của HS về việc đặt mục tiêu cá nhân của mình.
- HS lắng nghe và hiểu định nghĩa về xác định mục tiêu cá nhân.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS chia sẻ trải nghiệm về việc đặt mục tiêu cá nhân của mình.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng hiểu biết thực tế, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.
- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời câu hỏi.
- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và kết luận.
- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Mục tiêu giống như chiếc la bàn định hướng cho cuộc sống. Khi nghĩ về những gì mình muốn đạt được và đặt mục tiêu hướng tới, ta sẽ trở nên tự chủ và tích cực hơn. Vì vậy, xác định mục tiêu cá nhân là một việc cần làm cần thiết để sống có mục đích, làm việc có kế hoạch, từ đó có khả năng thực hiện được ước mơ, đạt được thành công trong cuộc sống.*

Để tìm hiểu rõ hơn về đề này, chúng ta sẽ cùng nhau đi tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay
– **Bài 6 – Xác định mục tiêu cá nhân.**

1. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Tìm hiểu khái niệm mục tiêu cá nhân và các loại mục tiêu cá nhân

I. MỤC TIÊU: Thông qua hoạt động, HS nhận biết được thế nào là mục tiêu cá nhân và các loại mục tiêu cá nhân.

1. Nội dung:

- GV mời HS quan sát 4 bức tranh SHS tr.36.
- GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm, quan sát 4 bức tranh SHS tr.36 và trả lời câu hỏi.
- GV cùng HS rút ra kết luận về xác định mục tiêu cá nhân và các loại mục tiêu cá nhân.

3. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về khái niệm mục tiêu cá nhân và các loại mục tiêu cá nhân và chuẩn kiến thức của GV.

3. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV hướng dẫn HS quan sát 4 bức tranh SHS tr.36.	1. Tìm hiểu khái niệm mục tiêu cá nhân và các loại mục tiêu cá nhân

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi:

+ *Em hãy cho biết các bạn trong mỗi bức tranh có mong muốn gì. Các bạn có xác định khoảng thời gian để thực hiện mong muốn đó không? Từ đó, em hãy cho biết thế nào là mục tiêu cá nhân.*

+ *Em hãy phân loại các mục tiêu nói trên theo thời gian (ngắn hạn, dài hạn) và theo lĩnh vực:*

- *Phát triển bản thân*
- *Gia đình và bạn bè*
- *Tài chính cá nhân*
- *Sức khỏe*
- *Học tập và nghề nghiệp*
- *Trao tặng và cống hiến xã hội.*

- GV tổng hợp các ý kiến trên bảng lớp.

- GV hướng dẫn HS rút ra kết luận và nêu khái niệm xác định mục tiêu cá nhân và các loại mục tiêu cá nhân.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS làm việc theo nhóm, quan sát 4 bức tranh SHS, thảo luận và trả lời câu hỏi.

- HS rút ra kết luận và nêu khái niệm xác định mục tiêu cá nhân và các loại mục tiêu cá nhân.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện các nhóm lần lượt trả lời các câu hỏi và tổng hợp ý kiến (*bảng đính kèm phía dưới hoạt động*).

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học

- *Khái niệm:*

Mục tiêu cá nhân là những kết quả cụ thể mà mỗi người mong muốn đạt được trong một khoảng thời gian nhất định.

- *Phân loại mục tiêu cá nhân:*

+ Mục tiêu cá nhân có thể được phân loại theo lĩnh vực: phát triển bản thân, gia đình và bạn bè, sức khỏe, học tập, tài chính, trao tặng và cống hiến xã hội,...

+ Mục tiêu cá nhân có thể được phân loại theo thời gian: mục tiêu ngắn hạn và mục tiêu dài hạn.

tập

- GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án.
- GV hướng dẫn HS rút ra kết luận và nêu khái niệm xác định mục tiêu cá nhân và các loại mục tiêu cá nhân.
- GV chuyển sang nội dung mới.

BÁO CÁO MỤC TIÊU CÁ NHÂN THEO THỜI GIAN**(NGẮN HẠN, DÀI HẠN)**

Bức tranh	Mong muốn	Thời gian thực hiện	Phân loại mục tiêu theo thời gian	Phân loại mục tiêu theo lĩnh vực
1	Tham gia đội tuyển bóng đá của trường	Năm lớp 9/ 1 năm sau	Dài hạn	Phát triển bản thân
2	Dành thời gian làm việc nhà giúp bố mẹ	30 phút mỗi ngày	Ngắn hạn	Gia đình và bạn bè
3	Tiết kiệm được 500.000 đồng	Đến cuối năm/ dưới 1 năm	Ngắn hạn	Tài chính cá nhân
4	Tham gia hoạt động tình nguyện	Mỗi tháng ít nhất 1 lần	Ngắn hạn	Trao tặng và cống hiến xã hội
5	Chinh phục giải chạy 15km	1 tháng	Ngắn hạn	Sức khỏe
6	Thuyết trình được bằng tiếng Anh	Hết THCS	Dài hạn	Học tập và nghề nghiệp

Hoạt động 2. Tìm hiểu sự cần thiết của việc xác định mục tiêu cá nhân

I. MỤC TIÊU: Thông qua hoạt động, HS biết vì sao phải xác định mục tiêu cá nhân.

1. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm, đọc 2 thông tin trong SHS tr.36, 37 và trả lời câu hỏi.
- GV cùng HS rút ra kết luận về sự cần thiết phải xác định mục tiêu cá nhân.

3. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về sự cần thiết phải xác định mục tiêu cá nhân.

3. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chia HS cả lớp thành 6 nhóm (2 nhóm cùng thực hiện một nhiệm vụ). - GV nêu nhiệm vụ cho các nhóm: <p>+ Nhóm 1, 2: <i>Đọc thông tin 1 và trả lời câu hỏi a: Em hãy cho biết việc có một mục tiêu rõ ràng đã mang lại kết quả như thế nào cho các bạn trong trường hợp trên.</i></p> <p>+ Nhóm 3, 4: <i>Đọc thông tin 2 và trả lời câu hỏi a: Em hãy cho biết việc có một mục tiêu rõ ràng đã mang lại kết quả như thế nào cho các bạn trong trường hợp trên.</i></p> <p>+ Nhóm 5, 6: <i>Theo em, vì sao phải xác định mục tiêu cá nhân?</i></p> <p>Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận theo nhóm, đọc thông tin và trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết). <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận sau khi đọc thông tin: <p>+ <i>Câu hỏi a:</i></p> <p><i>Thông tin 1: Với Hùng, việc có mục tiêu “hè này biết bơi” và thực hiện hóa mục tiêu này bằng các hành động cụ thể như đăng kí học bơi, rủ thêm bạn học cùng đã giúp Hùng biết bơi và tự tin hơn mỗi khi đi biển.</i></p> <p><i>Thông tin 2: Với Bình, việc có mục tiêu là kết quả học tập đạt loại Tốt và từ đó, có kế hoạch học tập và các hành động cụ thể như tập trung nghe giảng, tích cực phát biểu,... cùng với quyết tâm thực hiện nên đến cuối năm Bình đã có kết quả học tập loại Tốt, tiến bộ hẳn</i></p>	<p>2. Tìm hiểu sự cần thiết của việc xác định mục tiêu cá nhân</p> <p>Việc xác định mục tiêu cá nhân sẽ giúp mỗi người có động lực hơn trong cuộc sống, hoàn thiện bản thân, hướng đến những mục đích cao đẹp và thực hiện được những ước mơ của mình.</p>

so với năm học trước – khi Bình không có mục tiêu cụ thể nào.

+ Câu hỏi b: Cần phải xác định mục tiêu cá nhân vì có mục tiêu cá nhân sẽ giúp mỗi người có động lực hơn trong cuộc sống, hoàn thiện bản thân, hướng đến những mục đích tích cao đẹp và thực hiện được những ước mơ của mình.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án.

- GV kết luận về sự cần thiết của việc xác định mục tiêu cá nhân.

- GV chuyển sang nội dung mới.

Hoạt động 3. Cách xác định mục tiêu và các bước lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân

I. MỤC TIÊU: Thông qua hoạt động, HS biết cách xác định mục tiêu cá nhân và các bước lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân.

1. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS đọc những nội dung trong bảng hướng dẫn cách xác định mục tiêu cá nhân và biểu đồ các bước lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân trong SHS tr.37, 38 và trả lời câu hỏi.

- GV cùng HS rút ra kết luận về cách xác định mục tiêu và các bước lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân.

3. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về cách xác định mục tiêu và các bước lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân.

3. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi:	3. Cách xác định mục tiêu và các bước lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân

a) Em hãy viết lại những mục tiêu dưới đây theo nguyên tắc S.M.A.R.T:

- Biết trượt pa-tanh.
- Tự tin thuyết trình trước lớp.
- Khám phá các di sản của địa phương nơi em sinh sống.

b) Em hãy lập kế hoạch thực hiện các mục tiêu vừa xác định theo 6 bước nêu trên và cho biết cần chú ý điều gì khi xây dựng kế hoạch đó.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS thảo luận theo nhóm đôi, đọc thông tin SHS tr.37, 38 và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện 2-3 HS trình bày kết quả thảo luận sau khi đọc thông tin SHS tr.37, 38:

- + *Biết trượt pa-tanh: Thực hành được kỹ thuật trượt pa-tanh cơ bản sau 5 buổi học.*
- + *Tự tin thuyết trình trước lớp: Sau 1 tháng sẽ tự tin thuyết trình một chủ đề dài 15 phút trước tập thể lớp.*
- + *Khám phá các di sản của địa phương nơi em sinh sống: Trong vòng 2 năm, sẽ khám phá hết các di sản của địa phương nơi em sinh sống.*

- GV hướng dẫn HS lập kế hoạch thực hiện các mục tiêu trên (bảng đính kèm phía dưới hoạt động).
- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án.

Một mục tiêu cá nhân cần phải cụ thể, đo lường được, có thể đạt được, có liên quan và có thời hạn xác định.

- Các bước lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân:

- + Liệt kê những việc cần làm để đạt được mục tiêu.
- + Ưu tiên công việc cần thực hiện trước.
- + Xác định thời gian và nguồn lực cần thiết.
- + Thường xuyên đánh giá việc thực hiện mục tiêu của bản thân.
- + Điều chỉnh cách thức thực hiện nếu hoàn cảnh thay đổi.
- + Cam kết thực hiện kế hoạch.

- | | |
|--|--|
| <ul style="list-style-type: none"> - GV kết luận về cách xác định mục tiêu và các bước lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân. - GV chuyển sang nội dung mới. | |
|--|--|

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU

- **Thực hành được các kĩ thuật trượt pa-tanh cơ bản sau 5 buổi học:**

Bước 1	<ul style="list-style-type: none"> - Xin bố mẹ tiền học và mua giày trượt pa-tanh - Đăng kí khóa học trượt pa-tanh - Mua giày trượt pa-tanh - Rửa bạn học cùng - Sắp xếp thời gian để học và tập trượt pa-tanh - Xem clip hướng dẫn tập
Bước 2	Ba công việc cần ưu tiên làm trước: <ul style="list-style-type: none"> - Xin bố mẹ tiền học và mua giày trượt pa-tanh - Sắp xếp thời gian để học và tập trượt pa-tanh - Mua giày trượt pa-tanh
Bước 3	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian cần thiết: mỗi tuần học một buổi, mỗi buổi 45 phút - Nguồn lực cần thiết: tài chính, thời gian, bạn bè học và tập cùng, nếu có
Bước 4	Đánh giá sự tiến bộ của mình sau mỗi buổi tập.
Bước 5	Điều chỉnh thời gian tập, số lượng buổi tập tùy theo thời gian và kế hoạch học tập ở trường và nguồn lực tài chính (nếu không đủ tiền đăng kí học có thể tự xem các clip hướng dẫn và tự tập theo, nếu không đủ tiền mua giày mới có thể mua lại giày đã qua sử dụng,...).
Bước 6	Cam kết thực hiện kế hoạch bằng cách viết ra giấy, dán lên bảng kế hoạch, nhờ bố mẹ nhắc nhở, động viên,...

- **Sau 1 tháng sẽ tự tin thuyết trình một chủ đề 15 phút trước lớp.**

Bước 1	- Lựa chọn chủ đề thuyết trình
--------	--------------------------------

	<ul style="list-style-type: none"> - Viết ra trước nội dung thuyết trình để tập - Dành thời gian mỗi ngày hoặc mỗi tuần tập thuyết trình 30 phút - Tập thuyết trình trước nhóm bạn thân quen hoặc gia đình - Ghi âm/ ghi hình lại lúc thuyết trình để rút kinh nghiệm - Xem clip các diễn giả thuyết trình để học hỏi kinh nghiệm - Đăng kí khóa học kĩ năng thuyết trình.
Bước 2	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn chủ đề thuyết trình - Viết ra trước nội dung thuyết trình để tập - Dành thời gian mỗi ngày hoặc mỗi tuần tập thuyết trình 30 phút.
Bước 3	<p>Thời gian: Mỗi tuần ba buổi tập thuyết trình, mỗi buổi tập 15-30 phút.</p> <p>Nguồn lực cần thiết: thời gian, tài chính cho việc đăng kí khóa học (nếu cần thiết), thiết bị kết nối internet để xem thêm các clip.</p>
Bước 4	<p>Đánh giá việc thực hiện mục tiêu của bản thân bằng cách xem thời gian mình dành cho việc chuẩn bị và tập luyện, xem lại các bản ghi âm, ghi hình để đánh giá sự tiến bộ hoặc nhờ gia đình, bạn bè xem mình thuyết trình và phản hồi giúp.</p>
Bước 5	<p>Điều chỉnh cách thực hiện: Nếu tự làm, tự tập mà thấy khó khăn, có thể thay đổi cách làm như: đăng kí khóa học, nhờ thầy cô, anh chị đi trước hướng dẫn, nhờ bạn bè phản hồi,...</p> <p>Tự đánh giá bản thân sau mỗi tuần thực hiện kế hoạch.</p>
Bước 6	<p>Cam kết thực hiện kế hoạch bằng cách viết ra giấy, dán lên bảng kế hoạch, nhờ bố mẹ nhắc nhở, động viên,...</p>

- Trong vòng 2 năm, sẽ khám phá hết các di sản địa phương nơi em sinh sống.

Bước 1	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu về các di sản địa phương nơi em sinh sống - Nghiên cứu cách thức di chuyển - Lên kế hoạch tài chính - Lựa chọn cách thức di chuyển, cùng lập nhóm bạn bè để khám phá các di sản địa phương
--------	--

	<ul style="list-style-type: none"> - Lên kế hoạch thời gian cho từng chuyến đi - Chia sẻ với bố mẹ, người thân, tìm sự hỗ trợ, ủng hộ - Tìm bạn đồng hành
Bước 2	<p>Lựa chọn những công việc ưu tiên cần thực hiện trước:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu và lựa chọn địa điểm - Lên kế hoạch cho từng địa điểm, từng chuyến đi - Chia sẻ và tìm sự hỗ trợ, ủng hộ, đồng hành.
Bước 3	<p>Thời gian: Kế hoạch trong vòng 2 năm, lên kế hoạch từng năm.</p> <p>Nguồn lực: sự hỗ trợ, ủng hộ của gia đình, bạn đồng hành, tài chính cá nhân, các kĩ năng cơ bản như giao tiếp, tìm hiểu, nghiên cứu địa điểm, kĩ năng lập kế hoạch, kĩ năng hoạch định tài chính,...</p>
Bước 4	<p>Với kế hoạch dài hạn, đánh giá theo từng năm, mỗi năm đã thực hiện được phần nào của kế hoạch.</p> <p>Liệt kê những việc đã làm được và những việc tiếp tục cần làm.</p>
Bước 5	<p>Điều chỉnh cách thức thực hiện, ví dụ sau 1 năm, có thể sở thích thay đổi, thay đổi địa điểm, có thể kết hợp với các hoạt động khác như chương trình giao lưu, tình nguyện tại một huyện nào đó và kết hợp khám phá di sản địa phương.</p>
Bước 6	<p>Cam kết thực hiện kế hoạch bằng cách viết ra giấy, dán lên bảng kế hoạch, nhờ bố mẹ nhắc nhở, động viên, có bạn đồng hành cùng lên kế hoạch.</p>

1. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- 1. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS củng cố kiến thức đã học và thực hành một số tình huống cụ thể liên quan đến xác định mục tiêu cá nhân.

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 7: PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

- Kể được các hình thức bạo lực gia đình phổ biến.
- Phân tích được tác hại của hành vi bạo lực gia đình đối với cá nhân, gia đình và xã hội.
- Nêu được một số quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.
- Biết cách phòng, chống bạo lực gia đình.
- Phê phán các hành vi bạo lực gia đình trong gia đình và cộng đồng.

2. Năng lực

Năng lực chung:

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
- *Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

Năng lực riêng:

- *Năng lực điều chỉnh hành vi:* thể hiện bằng lời nói và việc làm, ngăn chặn hành vi bạo lực gia đình. Ngoài ra, biết cách phòng, chống bạo lực gia đình.
- *Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội:* Tìm hiểu, phân tích được một số hiện tượng bạo lực gia đình trong thực tiễn cuộc sống. Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lý tình huống, tham gia các hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình trong thực tiễn.

3. Phẩm chất

- Trung thực, trách nhiệm, dũng cảm đấu tranh phòng, chống các hành vi bạo lực trong gia đình và cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SHS, SGK, SBT Giáo dục công dân 8.
- Tranh ảnh, truyện, thơ ca, trường hợp, tình huống, trò chơi, những ví dụ thực tế gắn với chủ đề bài học.

- Máy tính, máy chiếu, bài giảng powerpoint,... (nếu có).

2. Đối với học sinh

- SHS Giáo dục công dân 8.
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm có liên quan đến nội dung bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

1. Mục tiêu: Khai thác vốn hiểu biết của HS về bạo lực gia đình để kết nối vào bài học.

2. Nội dung:

- GV tổ chức cho HS chia sẻ về hành vi bạo lực gia đình và trả lời các câu hỏi.
- GV dẫn dắt HS vào bài học.

3. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về một số hành vi bạo lực gia đình và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV tổ chức cho HS chia sẻ về một số hành vi bạo lực gia đình và trả lời câu hỏi:

- *Hãy kể về một số hành vi bạo lực gia đình mà e biết?*
- *Em có ý kiến gì về hành vi đó?*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan sát hình ảnh, vận dụng hiểu biết thực tế, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.
- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời câu hỏi.
- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và lấy ví dụ thêm về một số hành vi bạo lực gia đình:

+ Cường ép tảo hôn, cưỡng ép kết hôn,...

+ Lãng mạ, cố ý xúc phạm danh dự, nhân phẩm

- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Gia đình là nơi mỗi người được chăm sóc, nuôi dưỡng và yêu thương, góp phần hình thành và phát triển nhân cách. Tuy nhiên, không phải gia đình nào cũng đem lại cho con người niềm hạnh phúc ấy. Bạo lực gia đình đã và đang gây hậu quả nghiêm trọng, nhất là đối với phụ nữ và trẻ em.*

Để tìm hiểu rõ hơn về đề này, chúng ta sẽ cùng nhau đi tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay – **Bài 7: Phòng, chống bạo lực gia đình.**

1. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Tìm hiểu các hình thức và hậu quả của bạo lực gia đình

I. MỤC TIÊU: Thông qua hoạt động, HS nêu được các hình thức và hậu quả của bạo lực gia đình.

1. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS đọc các thông tin trong SHS tr.41, 42 và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn HS kể thêm những hình thức bạo lực gia đình khác.
- GV cùng HS rút ra kết luận về các hình thức và hậu quả của bạo lực gia đình.

3. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về các hình thức và hậu quả của bạo lực gia đình và chuẩn kiến thức của GV.

4. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 2 HS đọc lần lượt thông tin 1, 2, 3, 4, 5 SHS tr.41, 42. - GV hướng dẫn HS cả lớp thành 6 nhóm và yêu cầu các nhóm thực hiện nhiệm vụ: <p>+ Nhóm 1, 2: Đọc thông tin 1, 2 và trả lời câu hỏi: <i>Em hãy nêu những hình thức bạo lực gia đình trong các trường hợp trên? Tác hại của nó?</i></p> <p>+ Nhóm 3, 4: Đọc thông tin 3, 4 và trả lời câu hỏi: <i>Em hãy nêu những hình thức bạo lực gia đình trong</i></p>	<p>1. Tìm hiểu các hình thức và hậu quả của bạo lực gia đình</p> <p>- Các hình thức phổ biến :</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bạo lực về thể chất: là hành vi ngược đãi, đánh đập làm tổn thương sức khỏe, tính mạng của thành viên gia đình. + Bạo lực về tinh thần: là những lời nói, thái độ, hành vi làm tổn thương tới danh dự, nhân phẩm,... + Bạo lực về kinh tế: hành vi xâm phạm

các trường hợp trên? Tác hại của nó?

+ **Nhóm 5, 6:** *Đọc thông tin 5 và trả lời câu hỏi: Bạo lực gia đình đã gây ra tác hại gì cho cá nhân, gia đình và xã hội?*

- GV yêu cầu HS kể thêm những hình thức bạo lực gia đình khác.

- GV tổng hợp các ý kiến trên bảng lớp.

- GV hướng dẫn HS rút ra kết luận và nêu các hình thức và hậu quả của bạo lực gia đình.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin SHS, thảo luận và trả lời câu hỏi.

- HS dựa vào hiểu biết của bản thân để kể thêm những hình thức bạo lực gia đình khác.

- HS rút ra kết luận về các hình thức và hậu quả của bạo lực gia đình theo hướng dẫn của GV.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận:

+ **Nhóm 1, 2:**

- *Trường hợp 1: Bạo lực về thể chất.*

Hậu quả: Không khí gia đình nặng nề, mẹ con P bị đánh và đuổi ra khỏi nhà.

- *Trường hợp 2: Bạo lực về tinh thần.*

Hậu quả: Không khí gia đình nặng nề, ngột ngạt.

+ **Nhóm 3, 4:**

- *Trường hợp 3: Bạo lực về kinh tế.*

các quyền lợi kinh tế của thành viên gia đình (quyền sở hữu tài sản, quyền tự do lao động,...).

+ Bạo lực về tình dục: là hành vi mang tính chất cưỡng ép thành viên trong gia đình quan hệ tình dục, cưỡng ép mang thai, sinh con.

- *Hậu quả:*

+ Gây ảnh hưởng xấu đến hạnh phúc gia đình và trật tự xã hội, gây thương tích về thân thể, thậm chí gây tử vong.

+ Làm tổn thương về tinh thần đối với những người bị bạo lực,...

Hậu quả: Bố mẹ và anh cả của anh K không có nhà ở, phải về quê ở nhờ nhà họ hàng.

- *Trường hợp 4: Bạo lực về tình dục.*

Hậu quả: Chị Y vừa mệt mỏi về thể xác vừa căng thẳng về tinh thần.

+ **Nhóm 5, 6:** *Bạo lực gia đình gây ảnh hưởng xấu đến hạnh phúc gia đình và trật tự xã hội, gây tổn hại về thân thể, tổn hại kinh tế, tổn thương về tinh thần đối với những người bị bạo lực.*

- GV mời đại diện 1 – 2 HS kể thêm những hình thức bạo lực gia đình khác:

+ *Bạo lực về thể chất: ngược đãi, đánh đập làm tổn thương sức khỏe,...*

+ *Bạo lực về tinh thần: là những lời nói, thái độ, hành vi làm tổn thương tới danh dự, nhân phẩm,...*

+ *Bạo lực về kinh tế: hành vi xâm phạm các quyền lợi kinh tế của thành viên gia đình,...*

+ *Bạo lực về tình dục: Cưỡng ép quan hệ tình dục, cưỡng ép mang thai, sinh con,...*

- GV mời đại diện 1 – 2 HS rút ra kết luận về các hình thức và hậu quả của bạo lực gia đình.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và kết luận.

- GV chuyển sang nội dung mới.

Hoạt động 2. Tìm hiểu một số quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình

I. MỤC TIÊU: Thông qua hoạt động, HS nêu được một số quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.

1. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS đọc các thông tin SHS tr.42, 43, 44 và trả lời câu hỏi.
- GV cùng HS rút ra kết luận về một số quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.

3. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về một số quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình và chuẩn kiến thức của GV.

3. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS đọc thông tin SHS tr.42, 43, 44, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi: <p>+ <i>Qua bốn trường hợp ở mục 1, em hãy cho biết ai vi phạm, ai là nạn nhân của hành vi vi phạm luật về phòng, chống bạo lực gia đình?</i></p> <p>Bước 2: HS tiếp nhận thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc các thông tin SHS, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi. - GV quan sát, hướng dẫn (nếu cần thiết). <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện báo cáo kết quả thảo luận, ghi vào phiếu thảo luận (<i>bảng đính kèm phía dưới hoạt động</i>). - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có). <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án. - GV chuyển sang nội dung mới. 	<p>2. Tìm hiểu một số quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc phòng, chống bạo lực gia đình được Nhà nước quy định trong Luật Phòng chống bạo lực gia đình và một số văn bản khác (Hiến pháp, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự, Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Trẻ em hiện hành,...).

PHIẾU KẾT QUẢ THẢO LUẬN VỀ CÁC HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Trường hợp	Người vi phạm	Nạn nhân
1	Bố bạn P	Mẹ con bạn P
2	Mẹ bạn H	Bố con bạn H
3	Vợ chồng anh K	Vợ chồng bác T và con trai cả
4	Chồng chị Y	Chị Y

Hoạt động 3. Tìm hiểu cách phòng, chống bạo lực gia đình

I. MỤC TIÊU: Thông qua hoạt động, HS biết được các cách phòng, chống bạo lực gia đình.

1. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS quan sát các bức tranh SHS tr.44, 45 và trả lời câu hỏi.
- GV cùng HS rút ra kết luận về cách phòng, chống bạo lực gia đình.

3. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về cách phòng, chống bạo lực gia đình và chuẩn kiến thức của GV.

3. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS quan sát các bức tranh SHS tr.44, 45. - GV hướng dẫn HS cả lớp thành 6 nhóm và yêu cầu các nhóm thực hiện nhiệm vụ: <p>+ Nhóm 1, 2: Quan sát tranh thể hiện trường hợp trước khi xảy ra bạo lực gia đình và trả lời câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các bạn trong những trường hợp trên đã làm gì để phòng tránh bạo lực gia đình? • Theo em, còn có cách nào khác để phòng tránh bạo lực gia đình? <p>+ Nhóm 3, 4: Quan sát tranh thể hiện trường hợp khi xảy ra bạo lực gia đình và trả lời câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các bạn trong những bức tranh trên đã làm gì để 	<p>3. Tìm hiểu cách phòng, chống bạo lực gia đình</p> <p>Các cách phòng, chống bạo lực gia đình :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Để phòng tránh bạo lực gia đình: + Tôn trọng, bình đẳng, chia sẻ, yêu thương các thành viên trong gia đình; kiềm chế cảm xúc tiêu cực. + Rời khỏi nơi có nguy cơ xảy ra bạo lực gia đình, nói với người đáng tin cậy để nhờ can thiệp. + Không nên dùng lời nói, thái độ tích cực để tỏ thái độ thách thức, nhờ người khác can thiệp bằng cách thức tiêu cực. - Khi xảy ra bạo lực gia đình:

phòng tránh bạo lực gia đình?

- Theo em, còn có cách xử lý nào khác để phòng tránh bạo lực gia đình?

+ **Nhóm 5, 6:** Quan sát tranh thể hiện trường hợp sau khi xảy ra bạo lực gia đình và trả lời câu hỏi:

- Nêu cách xử lý sau khi xảy ra bạo lực gia đình ở các trường hợp trên?

- Theo em, còn có cách xử lý nào khác để phòng tránh bạo lực gia đình?

- GV tổng hợp các ý kiến trên bảng lớp.

- GV hướng dẫn HS rút ra kết luận và nêu các cách phòng, chống bạo lực gia đình.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS làm việc theo nhóm, quan sát các bức tranh SHS, thảo luận và trả lời câu hỏi.

- HS rút ra kết luận về các cách phòng, chống bạo lực gia đình theo hướng dẫn của GV.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận:

+ **Nhóm 1, 2:** Trước khi xảy ra bạo lực gia đình:

- Tranh 1: Kiểm chế cảm xúc tiêu cực.
- Tranh 2: Nhờ người can thiệp.
- Tranh 3: Ghi số điện thoại của người/ tổ chức tin cậy để khi xảy ra bạo lực gia đình có thể gọi điện nhờ can thiệp.
- Cách khác: Rời khỏi nơi có khả năng xảy ra bạo lực gia đình.

+ Cần bình tĩnh, kiềm chế cảm xúc, tìm đường thoát, chủ động nhờ người giúp đỡ.

+ Không nên dùng lời nói, thái độ tiêu cực hoặc sử dụng hành vi bạo lực để đáp trả.

- Để xử lý hậu quả của bạo lực gia đình:

+ Nên thông báo sự việc cho người thân, những người tin cậy.

+ Nhờ sự trợ giúp từ bệnh viện, cơ sở tư vấn tâm lý, tổ hòa giải,...

+ Không nên giấu giếm, bao che cho đối phương, tự tìm cách giải quyết bằng những biện pháp tiêu cực.

- Cần phê phán, đấu tranh chống những hành vi bạo lực trong gia đình và cộng đồng.

+ **Nhóm 3, 4:** Khi xảy ra bạo lực gia đình:

- Tranh 1: Nhờ hàng xóm can thiệp.
- Tranh 2: Khuyên can.
- Tranh 3: Gọi điện cho người thân.
- Cách khác: Bình tĩnh, kiềm chế cảm xúc, tìm đường thoát, chủ động nhờ người giúp đỡ. Không nên dùng lời nói, thái độ tiêu cực hoặc sử dụng hành vi bạo lực để đáp trả.

+ **Nhóm 5, 6:** Sau khi xảy ra bạo lực gia đình:

- Tranh 1: Đưa nạn nhân đến cơ sở y tế.
- Tranh 2: Thể hiện mong muốn gia đình hạnh phúc, người thân kiềm chế, không gây ra bạo lực gia đình.
- Tranh 3: Báo với người có thẩm quyền nhờ can thiệp.
- Cách khác: Nhờ sự trợ giúp của cơ sở tư vấn tâm lý, tổ hòa giải,...

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án.
- GV kết luận về các cách phòng, chống bạo lực gia đình.

1. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS củng cố kiến thức, rèn luyện kỹ năng phòng, chống bạo lực gia đình.

2. Nội dung:

- GV yêu cầu HS trả lời nhanh các câu hỏi trắc nghiệm.

- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi bài tập phần Luyện tập.

3. Sản phẩm: HS chọn được đáp án đúng cho các câu hỏi trắc nghiệm, hoàn thành câu hỏi bài tập phần Luyện tập và chuẩn kiến thức của GV.

3. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động 1: Trả lời câu hỏi trắc nghiệm

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV lần lượt đọc các câu hỏi trắc nghiệm và yêu cầu HS xung phong trả lời nhanh:

Câu 1: Những người thường có xu hướng gây ra bạo lực gia đình là người nào?

1. Người mẹ hết mực yêu thương con cái.
2. Ông bà luôn cố gắng dạy dỗ con cháu thành người tốt.
3. Các anh chị em hòa thuận trong gia đình.
4. Người bố thường xuyên uống rượu.

Câu 2: Bạo lực về thể chất là những hành vi nào sau đây?

1. Những hành vi gây tổn thương tới nhân phẩm, danh dự của các thành viên trong gia đình.
2. Những hành vi gây tổn thương tới thể xác, tính mạng của các thành viên trong gia đình.
3. Là những hành vi cố tình gây tổn hại về kinh tế của một số thành viên trong gia đình.
4. Là các hành vi cố tình lăng mạ một thành viên trong gia đình.

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 8: LẬP KẾ HOẠCH CHI TIÊU

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

- Nhận biết được sự cần thiết phải thiết lập kế hoạch chi tiêu.
- Nêu được cách lập kế hoạch chi tiêu.
- Lập được kế hoạch chi tiêu và tạo thói quen chi tiêu hợp lí.
- Giúp đỡ bạn bè, người thân lập kế hoạch chi tiêu hợp lí.

2. Năng lực

Năng lực chung:

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
- *Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

Năng lực riêng:

- *Năng lực điều chỉnh hành vi:* Lập được kế hoạch chi tiêu cá nhân phù hợp theo hướng dẫn; Thực hiện được kế hoạch chi tiêu đã đề ra.
- *Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội:* Nhận biết được một số hiện tượng, vấn đề của đời sống xã hội về lập kế hoạch chi tiêu; Bước đầu biết cách thu tập, xử lí thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, tình huống về lập kế hoạch chi tiêu; Vận dụng các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lí tình huống trong thực tiễn cuộc sống về lập kế hoạch chi tiêu.

3. Phẩm chất

- Có trách nhiệm khi lập và thực hiện kế hoạch chi tiêu.
- Giúp đỡ bạn bè, người thân lập kế hoạch chi tiêu hợp lí.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SHS, SGV, SBT Giáo dục công dân 8.
- Giấy A4, Phiếu học tập.
- Tranh ảnh, clip, mẫu chuyện, tục ngữ, ca dao về lập kế hoạch chi tiêu.
- Đồ dùng đơn giản để sắm vai.

- Máy tính, máy chiếu, bài giảng powerpoint,... (nếu có).

2. Đối với học sinh

- SHS Giáo dục công dân 8.
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm có liên quan đến nội dung bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

1. **Mục tiêu:** Khai thác vốn sống, trải nghiệm của HS, tạo hứng thú và những hiểu biết ban đầu của HS về chủ đề lập kế hoạch chi tiêu.

2. **Nội dung:**

- GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi “Giải bài toán thu chi”.
- GV dẫn dắt HS vào bài học.

3. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về cách lập kế hoạch chi tiêu.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Giải bài toán thu chi” với nội dung:

Giả sử mẹ đưa cho em 150.000 đồng để mua thức ăn cho cả nhà dùng trong một ngày. Em hãy nêu phương án thực hiện nhiệm vụ này và giải thích vì sao em chọn như vậy ?

- GV tiếp tục yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Theo em, vì sao phải tính toán như vậy?*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS lắng nghe nội dung trò chơi, vận dụng hiểu biết thực tế, suy nghĩ và lập kế hoạch chi tiêu hợp lí.
- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV mời đại diện 2 – 3 HS trình bày phương án chi tiêu của mình với điều kiện không trùng với đáp án của bạn chơi trước (*không nói đến số người ăn trong gia đình*):

+ **Phương án 1:**

- Rau = 10.000 đ
- Thịt lợn = 0,5 kg x 120.000 đ/kg = 60.000 đ
- Cá = 1 kg x 50.000 đ/kg = 50.000 đ
- Trái cây = 30.000 đ

=> Tổng cộng mua hết 150.000 đ

+ **Phương án 2:**

- Rau = 16.000 đ
- Thịt bò = 0,2 kg x 240.000 đ/kg = 48.000 đ
- Đậu phụ = 20.000 đ
- Thịt lợn = 0,3 kg x 120.000 đ/kg = 36.000 đ
- Trái cây = 30.000 đ

=> Tổng cộng 150.000 đ

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và mời cả lớp bình chọn từng phương án. HS nào có phương án được các bạn trong lớp giơ tay bình chọn nhiều nhất thì là người thắng cuộc.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Trong cuộc sống, chúng ta luôn phải tính toán chi tiêu sao cho hợp lí, phù hợp với thu nhập, thực hiện được tiết kiệm để tổ chức cuộc sống của bản thân, gia đình ổn định và phát triển.*

Để tìm hiểu rõ hơn về đề này, chúng ta sẽ cùng nhau đi tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay
– **Bài 8: Lập kế hoạch chi tiêu.**

1. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Tìm hiểu sự cần thiết phải lập kế hoạch chi tiêu

I. MỤC TIÊU: Thông qua hoạt động, HS nhận biết được sự cần thiết phải lập kế hoạch chi tiêu.

1. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SHS tr.48 và trả lời câu hỏi.

- GV cùng HS rút ra kết luận về sự cần thiết phải lập kế hoạch chi tiêu.

3. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về sự cần thiết phải lập kế hoạch chi tiêu và chuẩn kiến thức của GV.

3. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV mời 1 HS đọc thông tin SHS tr.48.</p> <p>- GV hướng dẫn HS cả lớp thành 6 nhóm và yêu cầu các nhóm thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Nhóm 1, 2: Đọc thông tin và trả lời câu hỏi a: Việc bạn Phương chi tiêu tùy tiện đã dẫn đến khó khăn gì trong cuộc sống? Nếu mẹ không đủ tiền để đưa thêm thì điều gì sẽ xảy ra?</p> <p>+ Nhóm 3, 4: Đọc thông tin và trả lời câu hỏi b: Em hãy dự đoán những khó khăn có thể xảy ra nếu Phương tiếp tục chi tiêu như vậy?</p> <p>+ Nhóm 5, 6: Đọc thông tin và trả lời câu hỏi c: Em hãy nêu lí do cần phải lập kế hoạch chi tiêu?</p> <p>- GV tổng hợp các ý kiến trên bảng lớp.</p> <p>- GV hướng dẫn HS rút ra kết luận về sự cần thiết phải lập kế hoạch chi tiêu.</p> <p>Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin SHS, thảo luận và trả lời câu hỏi.</p> <p>- HS rút ra kết luận về sự cần thiết phải lập kế hoạch chi tiêu theo hướng dẫn của GV.</p> <p>- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận</p> <p>- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận:</p> <p>+ Câu hỏi a: Việc chi tiêu tùy tiện của bạn Phương</p>	<p>1. Tìm hiểu sự cần thiết phải lập kế hoạch chi tiêu</p> <p>- Kế hoạch chi tiêu xác định các tài khoản chi tiêu dựa trên những nguồn lực hiện có để thực hiện những mục tiêu tài chính của cá nhân, gia đình.</p> <p>- Lập kế hoạch chi tiêu giúp cân bằng được tài chính, tránh những khoản chi tiêu không cần thiết, thực hiện được tiết kiệm, góp phần tạo dựng cuộc sống ổn định, ấm no.</p>

đã dẫn đến sinh hoạt của gia đình bạn bị đảo lộn: những thứ cần thiết như rau, cá, thịt,... bị thiếu và 5 ngày bạn đã chi tiêu hết tiền.

Nếu mẹ không có đủ tiền để đưa thêm thì sẽ bất ổn trong sinh hoạt gia đình, có thể vay mượn tiền để đi chợ.

+ **Câu hỏi b:** Nếu vẫn tiếp tục chi tiêu không có kế hoạch sẽ dẫn đến những vấn đề: nợ nhiều hơn, không đảm bảo sức khỏe cho các thành viên trong gia đình, không có khoản tiền dự phòng cho những lúc cần thiết, không tiết kiệm được tiền để đầu tư, mua sắm những vật dụng thiết yếu trong gia đình, đi du lịch, thực hiện những kế hoạch khác,...

+ **Câu hỏi c:** Lập kế hoạch chi tiêu giúp cân bằng tài chính, tránh những khoản chi không cần thiết, thực hiện được tiết kiệm, góp phần tạo dựng cuộc sống ổn định, ấm no và không ngừng phát triển.

- GV mời đại diện 1 – 2 HS rút ra kết luận về sự cần thiết phải lập kế hoạch chi tiêu.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và kết luận.

- GV chuyển sang nội dung mới.

Hoạt động 2. Tìm hiểu cách lập kế hoạch chi tiêu

I. MỤC TIÊU: Thông qua hoạt động, HS nêu được cách lập kế hoạch chi tiêu.

1. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS đọc các thông tin SHS tr.49, 50 và viết ra khổ giấy lớn các bước lập kế hoạch chi tiêu.

- GV cùng HS rút ra kết luận về các bước lập kế hoạch chi tiêu.

3. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về các bước lập kế hoạch chi tiêu và chuẩn kiến thức của GV.

3. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chia lớp thành 5 nhóm, hướng dẫn các nhóm đọc các thông tin SHS tr.49, 50 và viết ra khổ giấy lớn các bước lập kế hoạch chi tiêu. - GV giao nhiệm vụ cho mỗi HS tự lập một kế hoạch chi tiêu cá nhân theo các bước vừa học. <p>Bước 2: HS tiếp nhận thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc thông tin SHS, thảo luận nhóm và viết các bước lập kế hoạch chi tiêu. - HS vận dụng kiến thức được học, lập kế hoạch chi tiêu cá nhân. - GV quan sát, hướng dẫn (nếu cần thiết). <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện từng nhóm trình bày (mỗi nhóm chỉ trình bày 1 nội dung của một bước).. - GV mời 2-3 HS trình bày kế hoạch chi tiêu của mình. - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có). <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án. - GV chuyển sang nội dung mới. 	<p>2. Tìm hiểu cách lập kế hoạch chi tiêu</p> <p>- Các bước lập kế hoạch chi tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bước 1: Xác định mục tiêu và thời hạn thực hiện dựa trên nguồn lực hiện có. + Bước 2: Xác định các khoản cần chi. + Bước 3: Thiết lập quy tắc thu, chi. + Bước 4: Thực hiện kế hoạch chi tiêu. + Bước 5: Kiểm tra và điều chỉnh kế hoạch chi tiêu.

1. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS củng cố kiến thức, rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống, liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến lập kế hoạch chi tiêu.

2. Nội dung:

- GV yêu cầu HS trả lời nhanh các câu hỏi trắc nghiệm.
- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi bài tập phần Luyện tập.

3. Sản phẩm: HS chọn được đáp án đúng cho các câu hỏi trắc nghiệm, hoàn thành câu hỏi bài tập phần Luyện tập và chuẩn kiến thức của GV.

3. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động 1: Trả lời câu hỏi trắc nghiệm

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV lần lượt đọc các câu hỏi trắc nghiệm và yêu cầu HS xung phong trả lời nhanh:

Câu 1: Nếu chi tiêu không có kế hoạch thì sẽ dẫn đến hậu quả gì?

1. Mua thừa đồ này, thiếu đồ kia; chi phí bị tổn hao bởi các khoản chi không chính đáng.
2. Tích ra được các khoản tiền tiết kiệm.
3. Có thể mua được nhiều đồ dùng mà mình yêu thích.
4. Không bị phụ thuộc ràng buộc bởi các nguyên tắc.

Câu 2: Khi thực hiện kế hoạch chi tiêu, cần tập trung vào các khoản chi nào?

1. Chi phát sinh.
2. Chi thiết yếu, chi cần thiết nhưng có thể linh hoạt.
3. Chi thiết yếu, chi cần thiết nhưng có thể linh hoạt, chi phát sinh.
4. Chi cần thiết nhưng có thể linh hoạt.

Câu 3: Em tán thành với những ý kiến nào dưới đây?

1. Sau khi đã lập được kế hoạch cần chi tiêu một cách hợp lý để thực hiện được những mục tiêu đã đề ra.
2. Chỉ cần có kế hoạch là chúng ta đã có thể có chi tiêu hợp lý.
3. Không cần kiểm tra hay thực hiện thêm bất cứ điều gì sau khi đã lập được kế hoạch chi tiêu.
4. Kế hoạch chi tiêu là một trong những điều giúp chúng ta có thể xóa đói giảm nghèo.

Câu 4: Sắp vào năm học, em cần mua thêm một số đồ dùng học tập nhưng số tiền tiêu vặt mẹ cho hằng ngày không quá nhiều để có thể mua được số đồ dùng mà em mong muốn em phải làm như thế nào?

1. Xin mẹ thêm tiền để mua các đồ dùng mà mình muốn.
2. Lên danh sách những món đồ mà mình cần mua, thực hiện tiết kiệm mỗi ngày từ số tiền mà mẹ cho để có thể mua được những món đồ mà mình cần.
3. Bỏ bớt các món đồ cần mua để có thể mua được với số tiền tiêu vặt mà mẹ cho.
4. Hỏi vay thêm bạn bè để có đủ số tiền cần thiết dùng để mua đồ dùng học tập khi vào trong năm học.

Câu 5: Ngọc muốn mua được bộ sách mới ra của tác giả Antoine de Saint-Exupéry nhưng số tiền mà Ngọc đang có chưa đủ. Theo em, Ngọc có thể thực hiện tiết kiệm chi tiêu như thế nào để đạt được mục tiêu mua bộ sách mới?

1. Ngọc có thể xin thêm mẹ tiền để mua bộ sách yêu thích.
2. Ngọc có thể kêu gọi bạn bè cùng góp tiền mua chung bộ sách.
3. Để có được tiền mua bộ sách mới Ngọc có thể tiết kiệm tiền từ các khoản tiền tiêu vặt hằng ngày, kiếm thêm một số tiền từ các kế hoạch nhỏ của bản thân.
4. Ngọc có thể lên kế hoạch xin người thân thêm tiền để thực hiện kế hoạch mua sách, vì mua sách là một mục tiêu tốt nên chắc chắn người thân sẽ sẵn sàng giúp đỡ Ngọc.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức đã học và hiểu biết thực tế của bản thân về lập kế hoạch chi tiêu để trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời lần lượt các câu hỏi:

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	A	C	B	B	C

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu đáp án khác (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án.

- GV chuyển sang hoạt động mới.

Hoạt động 2: Trả lời câu hỏi bài tập phần Luyện tập (SHS tr.8, 9)

Nhiệm vụ 1: Em tán thành hay không tán thành với ý kiến/ việc làm nào dưới đây? Vì sao?

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi bài tập 1 dưới dạng Phiếu học tập:

Quan điểm	Tán thành	Không tán thành	Giải thích
a) Lập kế hoạch chi tiêu chủ yếu để thực hiện mục tiêu tiết kiệm.			
b) Đảm bảo các khoản chi thiết yếu là nội dung quan trọng trong kế hoạch chi tiêu.			
c) Chỉ những người có thói quen chi tiêu tùy tiện mới cần lập kế hoạch chi tiêu.			
d) Chỉ những người có ít tiền mới cần lập kế hoạch chi tiêu.			

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong nhóm, vận dụng kiến thức đã học về lập kế hoạch chi tiêu để trả lời câu hỏi.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 9: PHÒNG NGỪA TAI NẠN VŨ KHÍ, CHÁY, NỔ VÀ CÁC CHẤT ĐỘC HẠI

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

- Kể được tên một số tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại; nhận diện được một số nguy cơ dẫn đến tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại.
- Trình bày được hậu quả của tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại.
- Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.
- Thực hiện được việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.
- Nhắc nhở, tuyên truyền người thân, bạn bè chủ động phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

2. Năng lực

Năng lực chung:

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
- *Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

Năng lực riêng:

- *Năng lực điều chỉnh hành vi:* Nhận diện được một số nguy cơ dẫn đến tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại. Thực hiện được việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại đồng thời nhắc nhở, tuyên truyền người thân, bạn bè chủ động phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.
- *Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội:* Tìm hiểu, phân tích được một số tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại trong thực tiễn cuộc sống; Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lý tình huống, tham gia các hoạt động phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại trong đời sống thực tiễn.

3. Phẩm chất

- Có trách nhiệm trong phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SHS, SGV, SBT Giáo dục công dân 8.
- Một số câu chuyện, bài báo, hình ảnh về tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.
- Máy tính, máy chiếu, bài giảng powerpoint,... (nếu có).

2. Đối với học sinh

- SHS Giáo dục công dân 8.
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm có liên quan đến nội dung bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

1. Mục tiêu: Khai thác vốn sống, trải nghiệm của HS về tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

2. Nội dung:

- GV yêu cầu HS kể về một vụ tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại mà em biết và nêu những việc nên làm để phòng, tránh tai nạn đó.
- GV dẫn dắt HS vào bài học.

3. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về một vụ tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại mà em biết và nêu những việc nên làm để phòng, tránh tai nạn đó.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS kể về một vụ tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại mà em biết và nêu những việc nên làm để phòng, tránh tai nạn đó.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS lắng nghe nội dung trò chơi, vận dụng hiểu biết thực tế, suy nghĩ và lập kế hoạch chi tiêu hợp lí.
- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV mời đại diện 1 – 2 kể về một vụ tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại mà em biết và nêu những việc nên làm để phòng, tránh tai nạn đó.
- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và lấy ví dụ về một vụ tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại:

--

Vụ cháy khu nhà kho hóa chất ở thành phố Thiên Tân (Trung Quốc)

Cháy kho than củi 200 tấn tại Quảng Ngãi (Việt Nam)

- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại luôn là nỗi ám ảnh đối với con người vì nó gây ra những tổn thất to lớn cho cá nhân, gia đình và toàn xã hội. Do đó, mỗi chúng ta cần chủ động tìm hiểu, nâng cao nhận thức cho bản thân về tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại, đồng thời có thái độ, hành vi tích cực trong cuộc sống góp phần phòng ngừa các loại tai nạn nguy hiểm này.*

Để tìm hiểu rõ hơn về đề này, chúng ta sẽ cùng nhau đi tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay
 – **Bài 9: Phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.**

1. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Tìm hiểu các loại, nguy cơ và hậu quả của tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại

- I. MỤC TIÊU:** Thông qua hoạt động, HS kể được tên một số tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại; nhận diện được một số nguy cơ dẫn đến tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại; nêu được hậu quả của tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

1. Nội dung:

- GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc thông tin, trường hợp và quan sát tranh trong SHS tr.52, 53 và trả lời câu hỏi.
- GV cùng HS rút ra kết luận về các loại, nguy cơ và hậu quả của tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

- 3. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về các loại, nguy cơ và hậu quả của tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại và chuẩn kiến thức của GV.

3. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 3 HS đọc thông tin 1, 2, 3 SHS tr.52,53. - GV hướng dẫn HS cả lớp thành 6 nhóm và yêu cầu các nhóm thực hiện nhiệm vụ: <p>+ Nhóm 1, 2: Đọc thông tin và trả lời câu hỏi a: Các thông tin, trường hợp trên đề cập đến những loại tai nạn nào? Theo em, còn có những loại tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại nào khác?</p> <p>+ Nhóm 3, 4: Đọc thông tin và trả lời câu hỏi b: Hành vi của một số nhân vật trong các bức tranh trên có nguy cơ dẫn đến những tai nạn gì? Hãy kể thêm một số nguy cơ khác mà em biết.</p> <p>+ Nhóm 5, 6: Đọc thông tin và trả lời câu hỏi c: Trong các thông tin, trường hợp trên, tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại đã gây ra những hậu quả gì? Hãy kể thêm một số hậu quả khác do tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại gây ra?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổng hợp các ý kiến trên bảng lớp. - GV hướng dẫn HS rút ra kết luận về các loại, nguy cơ và hậu quả của tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại. <p>Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin SHS, thảo luận và trả lời câu hỏi. - HS rút ra kết luận về các loại, nguy cơ và hậu quả của tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại theo hướng dẫn của GV. - GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết). <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận: 	<p>1. Tìm hiểu các loại, nguy cơ và hậu quả của tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nguy cơ dẫn đến tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại: <p>+ Thiết bị điện quá tải; thiết bị điện kém chất lượng; rò rỉ khí ga; nắng nóng kéo dài.</p> <p>+ Nguyên vật liệu xây dựng dễ cháy; trang, thiết bị phòng cháy, chữa cháy không đảm bảo.</p> <p>+ Chế biến, bảo quản thực phẩm sai cách; cất giấu vũ khí trong nhà; sấm sét khi mưa dông;...</p>

+ **Câu hỏi a:**

- Các thông tin, trường hợp trên đề cập đến tai nạn cháy nhà, tai nạn nổ bom, tai nạn ngộ độc thực phẩm.
- Ngoài các loại trên, còn có các tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc khác như: tai nạn súng, mìn, đạn, pháo; tai nạn cháy rừng; tai nạn cháy xe; tai nạn cháy nhà máy hóa chất; tai nạn nổ bình ga; tai nạn ngộ độc khí ga; tai nạn ngộ độc thuốc trừ sâu, thuốc diệt chuột;...

+ **Câu hỏi b:**

- Hành vi của bạn HS trong bức tranh 1 sẽ dẫn đến nguy cơ cháy, nổ ở cây xăng. Hành vi của bạn nam trong bức tranh 2 có thể dẫn đến nguy cơ bắn nhầm người khác hoặc phát súng nổ khiến hai bạn bị thương, thậm chí nguy hiểm đến tính mạng.
- Một số nguy cơ gây tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại: thiết bị điện quá tải; thiết bị điện kém chất lượng; rò rỉ khí ga; nắng nóng kéo dài; nguyên vật liệu xây dựng dễ cháy; trang, thiết bị phòng cháy, chữa cháy không đảm bảo; chế biến, bảo quản thực phẩm sai cách; cất giấu vũ khí trong nhà; sấm sét khi mưa dông;...

+ **Câu hỏi c:**

- Trong trường hợp 1: Tai nạn cháy nhà đã khiến M rất sợ hãi, bị ngạt khói và bỏng 30% cơ thể, đồng thời thiêu rụi nhiều tài sản có giá trị.
- Trường hợp 2: Tai nạn nổ bom đã khiến một cháu bé và con trai ông C tử vong, ông C bị thương nặng.
- Trường hợp 3: Từ ngày 18-6-2022 đến ngày 17-7-2022, cả nước có 85 người ngộ độc thực phẩm; trong 7 tháng đầu năm 2022, cả nước có 357 người ngộ độc, trong đó có 2 người tử vong.
- Ngoài ra, tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại còn gây ra những hậu quả nghiêm trọng như: dị tật cơ thể, khủng hoảng tâm lý, ô nhiễm môi

trường, rối loạn trật tự xã hội,... Ngoài ra, những người gây tai nạn vũ khí, cháy, nổ có thể phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, họ có thể bị xử lý theo nhiều hình thức như kỉ luật, cảnh báo, xử phạt hành chính, phạt tù, tử hình,...

- GV mời đại diện 1 – 2 HS rút ra kết luận về các loại, nguy cơ và hậu quả của tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và kết luận.

- GV chuyển sang nội dung mới.

Hoạt động 2. Tìm hiểu một số quy định cơ bản của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vụ khí, cháy, nổ và các chất độc hại

I. MỤC TIÊU: Thông qua hoạt động, HS nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vụ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

1. Nội dung:

- GV chia nhóm, hướng dẫn HS đọc 5 thông tin SHS tr.54, 55 và trả lời câu hỏi.

- GV cùng HS rút ra kết luận về một số quy định cơ bản của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vụ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

3. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về một số quy định cơ bản của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vụ khí, cháy, nổ và các chất độc hại và chuẩn kiến thức của GV.

3. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV chia lớp thành 4 nhóm (2 nhóm cùng thực hiện 1 nhiệm vụ) và yêu cầu các nhóm thực hiện nhiệm vụ:	2. Tìm hiểu một số quy định cơ bản của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vụ khí, cháy, nổ và các chất độc hại - <i>Pháp luật Việt Nam quy định:</i>

+ **Nhóm 1, 2:** Dựa vào thông tin pháp luật, em hãy chỉ ra các chủ thể trong thông tin, trường hợp 2, 3 đã thực hiện quy định của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại như thế nào?

+ **Nhóm 3, 4:** Dựa vào thông tin pháp luật, em hãy chỉ ra các chủ thể trong thông tin, trường hợp 4, 5 đã thực hiện quy định của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại như thế nào?

- GV giới thiệu thêm một số quy định khác của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

Bước 2: HS tiếp nhận thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc thông tin SHS, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi.

- GV quan sát, hướng dẫn (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện từng nhóm trả lời câu hỏi:

+ **Nhóm 1, 2:**

● Thông tin 2: Anh D đã thực hiện quy định của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại bằng việc từ chối và khuyên anh X không nên tự quân pháo chơi khi được anh X rủ cùng mua vật liệu về nhà làm.

● Thông tin 3: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kiên Giang đã thực hiện quy định của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại bằng việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can, ra lệnh bắt tạm giam 10 đối tượng trong đường dây chế tạo, tàng trữ, mua bán vũ khí, công cụ hỗ trợ quy mô lớn trên địa bàn tỉnh và thu giữ các tang vật có liên quan.

+ **Nhóm 3, 4:**

+ Cấm tàng trữ, vận chuyển, buôn bán, sử dụng trái phép các loại vũ khí, chất nổ, chất cháy, chất phóng xạ và các chất độc hại khác.

+ Chỉ những cơ quan, tổ chức, cá nhân được Nhà nước giao nhiệm vụ và cho phép mới được giữ, chuyển chở và sử dụng vũ khí, chất nổ, chất cháy, chất phóng xạ và chất độc hại.

+ Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo quản, chuyển chở và sử dụng vũ khí, chất nổ, chất cháy, chất phóng xạ và chất độc hại phải được huấn luyện về chuyên môn, có đủ phương tiện cần thiết và luôn tuân thủ quy định về an toàn.

• Thông tin 4: ông B đã thực hiện quy định của pháp luật về phòng ngừa tai nạn, cháy, nổ và các chất độc hại bằng việc cùng người thân dậy sớm tự sơ chế nguyên liệu cho hàng ăn của mình, từ chối không nghe theo lời khuyên của hàng xóm dùng hóa chất để làm sạch các nguyên liệu là nội tạng động vật.

• Thông tin 5: Anh Q đã thực hiện quy định của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại bằng việc chủ động cùng mọi người dập lửa, gọi cứu hỏa và nhắc nhở mọi người nhường đường, dọn dẹp chướng ngại vật để xe cứu hỏa dễ dàng tiến vào chữa cháy.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án.

- GV giới thiệu thêm một số quy định khác của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại:

+ *Cấm vận chuyển trái phép vũ khí, vật liệu nổ ra, vào lãnh thổ Việt Nam.*

+ *Cấm trao đổi, cho, tặng, gửi, mượn, cho thuê, thuê vũ khí, vật liệu nổ.*

+ *Cấm nghiên cứu chế tạo, sản xuất, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng trái phép pháo hoa, thuốc pháo.*

+

- GV chuyển sang nội dung mới.

Hoạt động 3. Tìm hiểu trách nhiệm của công dân trong việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại

I. MỤC TIÊU: Thông qua hoạt động, HS nhận biết được trách nhiệm của công dân trong việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

1. Nội dung:

- GV chia nhóm, quan sát các bức tranh SHS tr.56 và trả lời câu hỏi.
- GV cùng HS rút ra kết luận về trách nhiệm của công dân trong việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

3. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về trách nhiệm của công dân trong việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại và chuẩn kiến thức của GV.

3. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV chia lớp thành 6 nhóm (2 nhóm cùng thực hiện 1 nhiệm vụ) và yêu cầu các nhóm thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Nhóm 1, 2: Quan sát các bức tranh và trả lời câu hỏi a: Em hãy cho biết những nhân vật trong bức tranh đã làm gì để phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.</p> <p>+ Nhóm 3, 4: Quan sát các bức tranh và trả lời câu hỏi b: Em hãy chỉ ra trách nhiệm của công dân trong việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.</p> <p>+ Nhóm 5, 6: Quan sát các bức tranh và trả lời câu hỏi c: Nêu những việc em cần làm để phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại?</p>	<p>3. Tìm hiểu trách nhiệm của công dân trong việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại</p> <p>- <i>Trách nhiệm của công dân:</i></p> <p>+ Tự giác tìm hiểu, nâng cao nhận thức và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.</p> <p>+ Tích cực tuyên truyền, vận động gia đình, bạn bè và mọi người xung quanh thực hiện tốt các quy định của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.</p> <p>+ Tố cáo những hành vi vi phạm hoặc xúi giục người khác vi phạm các quy định của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.</p>

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 10: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ LAO ĐỘNG CỦA CÔNG DÂN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

- Phân tích được tầm quan trọng của lao động đối với đời sống con người.
- Nêu được một số quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ lao động của công dân và lao động chưa thành niên.
- Nêu được một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên tham gia hợp đồng lao động, lập được hợp đồng lao động có nội dung đơn giản giữa những người sử dụng lao động và người lao động.
- Tích cực, chủ động tham gia lao động ở gia đình, trường, lớp và cộng đồng phù hợp lứa tuổi.

2. Năng lực

Năng lực chung:

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
- *Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

Năng lực riêng:

- *Năng lực điều chỉnh hành vi:* Tự đánh giá được thái độ, hành vi lao động của bản thân trong đời sống thực tế; Có kế hoạch và thực hiện kế hoạch khắc phục, cải thiện những điểm chưa tốt, chưa phù hợp trong lao động của bản thân.
- *Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội:* Tìm hiểu, phân tích được một số hiện tượng về quyền và nghĩa vụ lao động của công dân trong thực tiễn cuộc sống; Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lý tình huống trong đời sống thực tiễn có liên quan đến quyền và nghĩa vụ lao động của công dân.

3. Phẩm chất

- Tích cực, chủ động tham gia lao động ở gia đình, trường, lớp và cộng đồng phù hợp với lứa tuổi.
- Có trách nhiệm thực hiện tốt mọi quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ lao động của công dân, lao động chưa thành niên, quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên tham gia hợp đồng lao động.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SHS, SGV, SBT Giáo dục công dân 8.
- Một số câu chuyện, bài báo, hình ảnh có liên quan đến nội dung bài học Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân.
- Máy tính, máy chiếu, bài giảng powerpoint,... (nếu có).

2. Đối với học sinh

- SHS Giáo dục công dân 8.
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm có liên quan đến nội dung bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

1. Mục tiêu: Khai thác vốn sống, trải nghiệm, cảm nhận, suy nghĩ của HS về lao động.

2. Nội dung:

- GV yêu cầu HS kể về một số hoạt động mà em đã từng thực hiện ở gia đình, nhà trường hoặc cộng đồng và nêu ý nghĩa của các hoạt động đó.

- GV dẫn dắt HS vào bài học.

3. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về một số hoạt động mà em đã từng thực hiện ở gia đình, nhà trường hoặc cộng đồng và nêu ý nghĩa của các hoạt động đó.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS kể về một số hoạt động mà em đã từng thực hiện ở gia đình, nhà trường hoặc cộng đồng và nêu ý nghĩa của các hoạt động đó.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng hiểu biết thực tế, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.
- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV mời đại diện 1 – 2 kể về một số hoạt động mà em đã từng thực hiện ở gia đình, nhà trường hoặc cộng đồng và nêu ý nghĩa của các hoạt động đó.
- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và kết luận.
- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Lao động là hoạt động có mục đích của con người nhằm tạo ra của cải vật chất và các giá trị tinh thần cho xã hội. Đó là hoạt động chủ yếu, quan trọng nhất của con người, là nhân tố quyết định sự tồn tại, phát triển của đất nước và nhân loại. Mỗi người cần nhận thức được vai trò quan trọng của lao động để thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ lao động của bản thân, góp phần xây dựng đất nước giàu mạnh, văn minh.*

Để tìm hiểu rõ hơn về đề này, chúng ta sẽ cùng nhau đi tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay
– **Bài 10: Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân.**

1. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Tìm hiểu vai trò của lao động đối với đời sống con người

I. MỤC TIÊU: Thông qua hoạt động, HS phân tích được tầm quan trọng của lao động đối với đời sống con người.

1. Nội dung:

- GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc thông tin trong SHS tr.59, 60 và trả lời câu hỏi.
- GV cùng HS rút ra kết luận về vai trò của lao động đối với đời sống con người.

3. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về vai trò của lao động đối với đời sống con người và chuẩn kiến thức của GV.

3. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV mời 1-2 HS đọc thông tin SHS tr.59, 60. - GV hướng dẫn HS cả lớp thành 4 nhóm và yêu cầu	1. Tìm hiểu vai trò của lao động đối với đời sống con người - Lao động là hoạt động chủ yếu của con người, là nhân tố quyết định sự tồn tại,

các nhóm thực hiện nhiệm vụ:

+ **Nhóm 1, 2:** Đọc thông tin và trả lời câu hỏi a: Em hãy cho biết, trong thông tin trên, việc lao động của Giêm Oát đã mang lại ý nghĩa gì?

+ **Nhóm 3, 4:** Đọc thông tin và trả lời câu hỏi b: Hãy phân tích tầm quan trọng của lao động đối với đời sống con người.

- GV tổng hợp các ý kiến trên bảng lớp.

- GV hướng dẫn HS rút ra kết luận về vai trò của lao động đối với đời sống con người.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin SHS, thảo luận và trả lời câu hỏi.

- HS rút ra kết luận về vai trò của lao động đối với đời sống con người.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận:

+ **Câu hỏi a:**

Giêm Oát đã lao động bằng cách nghiên cứu, sáng chế ra máy hơi nước và hoàn thiện máy hơi nước thành động cơ nhiệt vận năng chạy bằng than và nước.

Việc lao động của Giêm Oát đã tạo ra một sự chuyển biến lớn:

- *Tạo ra nguồn động lực mới làm giảm nhẹ sức lao động của con người, tạo điều kiện cho sự chuyển biến từ việc lao động bằng tay gang sử dụng máy móc;*

- *Đánh dấu bước nhảy vọt cách mạng trong lịch sử sản xuất của nhân loại, bước chuyển cơ bản từ nền*

phát triển của cá nhân, đất nước và nhân loại.

văn minh nông nghiệp sang văn minh công nghiệp;

- Hình thành quy mô sản xuất lớn, nâng cao sản lượng hàng hóa.
- Dẫn đến những bước chuyển biến lớn về giao thông vận tải khi tàu thủy và xe lửa chạy bằng đầu máy hơi nước xuất hiện. Hệ thống đường sắt phát triển nhanh, mở rộng khả năng vận chuyển, nối liền các thành thị, các trung tâm công thương nghiệp.
- Kinh tế phát triển nhanh, các thành phố trở nên sầm uất, thị trường thế giới sôi động.

+ **Câu hỏi b:** Các vai trò của lao động đối với đời sống con người:

- Là một trong những nhân tố quyết định sự tồn tại, phát triển của cá nhân, đất nước và nhân loại.
- Giúp con người tạo ra sản phẩm vật chất, tinh thần nuôi sống bản thân và gia đình, góp phần xây dựng xã hội phát triển, xây dựng đất nước giàu mạnh.
- Là phương tiện để mỗi người khẳng định được vị trí và sự có mặt của mình trong xã hội, giúp con người làm chủ bản thân, làm chủ cuộc sống của chính mình, đem đến cho con người niềm vui và tìm thấy ý nghĩa thực sự của cuộc sống.

- GV mời đại diện 1 – 2 HS rút ra kết luận về vai trò của lao động đối với đời sống con người.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và kết luận.

- GV chuyển sang nội dung mới.

Hoạt động 2. Tìm hiểu một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ lao động của công dân

I. MỤC TIÊU: Thông qua hoạt động, HS nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ lao động của công dân.

1. Nội dung:

- GV chia nhóm, hướng dẫn HS đọc thông tin 1, 2, 3 SHS tr.60, 61 và trả lời câu hỏi.
- GV cùng HS rút ra kết luận về một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ lao động của công dân.

3. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ lao động của công dân và chuẩn kiến thức của GV.

3. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chia lớp thành 6 nhóm (2 nhóm cùng thực hiện 1 nhiệm vụ) và yêu cầu các nhóm thực hiện nhiệm vụ: + Nhóm 1, 2: Dựa vào thông tin pháp luật, em hãy chỉ ra các nhân vật trong thông tin, trường hợp 2 đã thực hiện quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ lao động của công dân như thế nào? + Nhóm 3, 4: Dựa vào thông tin pháp luật, em hãy chỉ ra các nhân vật trong thông tin, trường hợp 3 đã thực hiện quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ lao động của công dân như thế nào? + Nhóm 5, 6: Em hãy nêu một số ví dụ thực hiện tốt quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ lao động của công dân trong đời sống hằng ngày ? - GV hướng dẫn HS rút ra kết luận về một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ lao động của công dân. <p>Bước 2: HS tiếp nhận thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc thông tin SHS, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi. - HS rút ra kết luận về một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ lao động của công 	<p>2. Tìm hiểu một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ lao động của công dân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo quy định của pháp luật : + Công dân có quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc để đáp ứng nhu cầu của bản thân, gia đình và cống hiến cho xã hội. + Công dân có nghĩa vụ lao động để nuôi sống bản thân, gia đình và góp phần phát triển đất nước.

dân.

- GV quan sát, hướng dẫn (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện từng nhóm trả lời câu hỏi:

+ **Nhóm 1, 2:** Trường hợp 2: *Bạn C đã thực hiện quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ lao động của công dân bằng việc lựa chọn nghề nghiệp (nghề trang điểm) cho mình. Bố mẹ C đã thực hiện quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ lao động của công dân bằng việc tôn trọng quyết định lựa chọn nghề nghiệp của con trai, không ép buộc con phải từ bỏ nguyện vọng của mình.*

+ **Nhóm 3, 4:** Trường hợp 3: *Anh T đã thực hiện quyền và nghĩa vụ lao động của công dân bằng cách tham gia ứng tuyển và làm việc tại một công ty để tạo ra thu nhập nuôi sống bản thân và giúp đỡ bố mẹ.*

+ **Nhóm 5, 6:** *Ví dụ thực hiện tốt quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ lao động của công dân trong đời sống hằng ngày:*

- *HS lựa chọn ngành nghề để đăng kí thi đại học.*
- *Sinh viên sư phạm tham gia kì thi tuyển viên chức của các sở giáo dục và đào tạo.*
- *Trẻ em phụ giúp bố mẹ làm việc nhà.*
- *HS tìm hiểu thông tin về các ngành nghề trong xã hội;...*

- GV rút ra kết luận về những quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ lao động của công dân.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án.
- GV chuyển sang nội dung mới.

Hoạt động 3. Tìm hiểu một số quy định của pháp luật về lao động chưa thành niên

I. MỤC TIÊU: Thông qua hoạt động, HS nêu được một số quy định của pháp luật về lao động chưa thành niên.

1. Nội dung:

- GV chia nhóm, đọc thông tin, quan sát các bức tranh SHS tr.61, 62, 63 và trả lời câu hỏi.
- GV lấy thêm ví dụ về những quy định của pháp luật về lao động vị thành niên.
- GV cùng HS rút ra kết luận về một số quy định của pháp luật về lao động chưa thành niên.

3. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về một số quy định của pháp luật về lao động chưa thành niên và chuẩn kiến thức của GV.

3. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu các nhóm đọc thông tin, quan sát tranh và thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Nhóm 1: Đọc các thông tin, quan sát các bức tranh và trả lời câu hỏi: Em hãy cho biết những nhân vật trong bức tranh 1 đã thực hiện quy định của pháp luật về lao động chưa thành niên như thế nào?</p> <p>+ Nhóm 2: Đọc các thông tin, quan sát các bức tranh và trả lời câu hỏi: Em hãy cho biết những nhân vật trong bức tranh 2 đã thực hiện quy định của pháp luật về lao động chưa thành niên như thế nào?</p> <p>+ Nhóm 3: Đọc các thông tin, quan sát các bức tranh và trả lời câu hỏi: Em hãy cho biết những nhân vật trong bức tranh 3 đã thực hiện quy định của pháp luật về lao động chưa thành niên như thế nào?</p>	<p>3. Tìm hiểu một số quy định của pháp luật về lao động chưa thành niên</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấm nhận trẻ em chưa đủ 13 tuổi vào làm việc (trừ một số công việc nghệ thuật, thể dục, thể thao theo quy định). - Cấm sử dụng lao động chưa thành niên vào các công việc nặng nhọc, nguy hiểm, tiếp xúc với hóa chất độc hại, có môi trường lao động không phù hợp cho sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên.

+ **Nhóm 4:** Đọc các thông tin, quan sát các bức tranh và trả lời câu hỏi: Em hãy cho biết những nhân vật trong bức tranh 4 đã thực hiện quy định của pháp luật về lao động chưa thành niên như thế nào?

- GV giới thiệu thêm những quy định của pháp luật về lao động chưa thành niên.

- GV hướng dẫn HS rút ra kết luận về một số quy định của pháp luật về lao động chưa thành niên.

Bước 2: HS tiếp nhận thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc thông tin, quan sát bức tranh SHS, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi.

- HS rút ra kết luận về một số quy định của pháp luật về lao động chưa thành niên.

- GV quan sát, hướng dẫn (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện từng nhóm trả lời câu hỏi:

+ **Bức tranh 1:** Người đàn ông chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật về lao động chưa thành niên khi sử dụng lao động trẻ em (bạn nam) làm công việc nặng nhọc, quá sức, ở môi trường công trường xây dựng nguy hiểm, không đảm bảo an toàn.

+ **Bức tranh 2:** Người đàn ông chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật về lao động chưa thành niên khi sử dụng lao động trẻ em làm công việc phá dỡ nhà cũ nặng nhọc, nguy hiểm.

+ **Bức tranh 3:** Các nhân vật đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về lao động chưa thành niên vì công việc ở cơ sở sản xuất đồ thủ công đan lát là công việc phù hợp với điều kiện sức khỏe của lao động chưa thành niên, công việc đó đã được sự đồng ý của phụ huynh và có sự giao kết rõ ràng bằng hợp đồng lao động.

+ **Bức tranh 4:** Người phụ nữ đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về lao động chưa thành niên khi từ chối không nhận bạn trai vào xưởng làm việc ở xưởng cơ khí do công việc ở xưởng là công việc độc hại, nguy hiểm, đòi hỏi có sức khỏe và trình độ chuyên môn, tay nghề phù hợp.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

- GV rút ra kết luận về một số quy định của pháp luật về lao động chưa thành niên.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án.

- GV giới thiệu thêm một số quy định khác của pháp luật về lao động chưa thành niên:

+ Người sử dụng lao động không được tuyển dụng và sử dụng người chưa đủ 13 tuổi làm việc, trừ các công việc nghệ thuật, thể dục, thể thao nhưng không làm tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa đủ 13 tuổi và phải có sự đồng ý của cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Nghiêm cấm phân biệt đối xử, cưỡng bức lao động, sử dụng nhân công dưới độ tuổi lao động tối thiểu,...

- GV chuyển sang nội dung mới.

Hoạt động 4. Tìm hiểu quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên tham gia hợp đồng lao động và cách lập hợp đồng có nội dung đơn giản giữa người sử dụng lao động và người lao động

I. MỤC TIÊU: Thông qua hoạt động, HS nêu được một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên tham gia hợp đồng lao động và cách lập hợp đồng có nội dung đơn giản giữa người sử dụng lao động và người lao động.

1. Nội dung:

- GV chia nhóm, đọc thông tin SHS tr.64, 65, 66, 67 và trả lời câu hỏi.

- GV cùng HS rút ra kết luận về một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên tham gia hợp đồng lao động và cách lập hợp đồng có nội dung đơn giản giữa người sử dụng lao động và người lao động.

- 3. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên tham gia hợp đồng lao động và cách lập hợp đồng có nội dung đơn giản giữa người sử dụng lao động và người lao động và chuẩn kiến thức của GV.

3. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1: Quyền và nghĩa vụ cơ bản của người lao động</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV chia lớp thành 6 nhóm (2 nhóm cùng thực hiện 1 nhiệm vụ) và yêu cầu các nhóm thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Nhóm 1, 2: Đọc các thông tin, trường hợp SHS tr.64, 65 và trả lời câu hỏi: Theo em, các nhân vật trong trường hợp 2 đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của người lao động như thế nào?</p> <p>+ Nhóm 3, 4: Đọc các thông tin, trường hợp SHS tr.64, 65 và trả lời câu hỏi: Theo em, các nhân vật trong trường hợp 3 đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của người lao động như thế nào?</p> <p>+ Nhóm 5, 6: Đọc các thông tin, trường hợp SHS tr.64, 65 và trả lời câu hỏi: Em hãy nêu một số ví dụ thực hiện tốt quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của người lao động trong cuộc sống.</p> <p>- GV hướng dẫn HS rút ra kết luận về quyền và nghĩa vụ cơ bản của người lao động.</p> <p>Bước 2: HS tiếp nhận thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS đọc các thông tin SHS tr. 64, 65, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi.</p> <p>- HS rút ra kết luận về quyền và nghĩa vụ cơ bản của người lao động.</p>	

- GV quan sát, hướng dẫn (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện từng nhóm trả lời câu hỏi:

+ **Nhóm 1, 2:** Trường hợp 2: Chị X và đồng nghiệp đã thực hiện quyền của người lao động bằng việc khiếu nại, yêu cầu Ban giám đốc công ty xem xét giải quyết vấn đề điều kiện lao động không đảm bảo, trang thiết bị bảo hộ không đầy đủ khiến sức khỏe của người lao động không đảm bảo, trang thiết bị bảo hộ không đầy đủ sức khỏe của người lao động bị ảnh hưởng xấu; đồng thời chị X cũng dự định yêu cầu chấm dứt hợp đồng lao động để tìm kiếm một công việc mới nếu điều kiện làm việc không được cải thiện.

+ **Nhóm 3, 4:** Trường hợp 3: Anh H đã thực hiện nghĩa vụ của người lao động bằng việc nghiêm túc, gương mẫu chấp hành kỉ luật, nội quy của cơ quan và hoàn thành tốt công việc.

+ **Nhóm 5, 6:** Ví dụ thực hiện tốt quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của người lao động trong cuộc sống:

- Người lao động tham gia tổ chức Công đoàn.
- GV đi học thêm để nâng cao trình độ.
- Người lao động được nghỉ phép năm, nghỉ vào ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật.
- Sinh viên tốt nghiệp được tự do tìm hiểu, nộp đơn ứng tuyển vào các công ty phù hợp;...

- GV rút ra kết luận về quyền và nghĩa vụ cơ bản của người lao động.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án.
- GV chuyển sang nhiệm vụ mới.

Nhiệm vụ 2: Quyền và nghĩa vụ cơ bản của người sử dụng lao động

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chia lớp thành 6 nhóm (2 nhóm cùng thực hiện 1 nhiệm vụ) và yêu cầu các nhóm thực hiện nhiệm vụ:

+ **Nhóm 1, 2:** Đọc các thông tin, trường hợp SHS tr.65, 66 và trả lời câu hỏi: Các nhân vật trong trường hợp 2 đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động như thế nào?

+ **Nhóm 3, 4:** Đọc các thông tin, trường hợp SHS tr.65, 66 và trả lời câu hỏi: Các nhân vật trong trường hợp 3 đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động như thế nào?

+ **Nhóm 5, 6:** Đọc các thông tin, trường hợp SHS tr.65, 66 và trả lời câu hỏi: Em hãy nêu một số ví dụ thực hiện tốt quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động trong cuộc sống?

- GV hướng dẫn HS rút ra kết luận về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động.

Bước 2: HS tiếp nhận thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc các thông tin SHS tr.65, 66, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi.
- HS rút ra kết luận về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động.
- GV quan sát, hướng dẫn (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện từng nhóm trả lời câu hỏi:

4. Tìm hiểu quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên tham gia hợp đồng lao động và cách lập hợp đồng có nội dung đơn giản giữa người sử dụng lao động và người lao động

- *Quyền và nghĩa vụ của người lao động:*

- + Người lao động có quyền làm việc, tự do lựa chọn việc làm, nơi làm việc, nghề nghiệp, không bị phân biệt đối xử, không bị cưỡng bức lao động, được hưởng lương phù hợp với trình độ, được gia nhập các tổ chức nghề nghiệp, tổ chức đại diện cho người lao động...;
- + Có nghĩa vụ thực hiện hợp đồng lao động, chấp hành kỉ luật lao động, tuân theo sự quản lí, điều hành của người sử dụng lao động.

- *Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động :*

- + Người sử dụng lao động có quyền tuyển dụng, bố trí, quản lí, điều hành, giám sát lao động, khen thưởng và xử lí vi phạm kỉ luật lao động, đóng cửa tạm thời nơi làm việc,...
- + Có nghĩa vụ thực hiện hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể và thỏa thuận hợp pháp khác, tôn trọng danh dự và nhân phẩm của người lao động.